

PHỤ LỤC IV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP HAPULICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 01/2026/BC-LITEC

Hung yên, ngày 10 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: Năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước

- Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HAPULICO**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100382419
- Vốn điều lệ: **58.074.170.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **58.074.170.000 đồng**
- Địa chỉ: Thôn Đông khúc, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng yên, Việt Nam.
- Số điện thoại VPĐD: (024) 6 287 9696
- Số fax VPĐD: (024) 6 327 9696
- Văn phòng đại diện: Tầng 11 tòa nhà Centre building Hapulico complex - Số 01 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Website: www.litec.com.vn
- Mã cổ phiếu: HPO

1.1 Quá trình hình thành và phát triển:

1.1.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Hapulico Industry JSC là tên viết tắt của Công ty cổ phần Công nghiệp Hapulico. Tiền thân là Công ty cổ phần Điện - Chiếu sáng (Litec.,JSC), được thành lập từ ngày 01/08/1996 tại thành phố Hà Nội với số điều lệ đăng ký là 760.000.000 (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng). Những năm đầu mới thành lập, công ty chuyên về sản xuất các chi tiết sản phẩm kỹ thuật cao với thương hiệu LITEC®, dùng để lắp ráp trong các bộ đèn chiếu sáng đường phố.



Ngày 09/05/1997, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 2.000.000.000 VNĐ bằng hình thức phát hành cổ phiếu phổ thông với đối tượng là cổ đông hiện hữu, mục đích đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động của Công ty.

Ngày 07/06/2000, bên cạnh việc tiếp tục duy trì việc sản xuất các chi tiết sản phẩm kỹ thuật, nhằm để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng trưởng quy mô doanh thu và lợi nhuận, Công ty bắt đầu sản xuất các loại cột thép chiếu sáng công cộng mạ kẽm nhúng nóng. Cụ thể, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 4.200.000.000 VNĐ, bằng hình thức phát hành cổ phiếu phổ thông, với đối tượng là cổ đông hiện hữu, mục đích là để đầu tư dây nhà máy và dây chuyền sản xuất mới, qua nguồn vốn từ đợt phát hành tăng vốn.

Ngày 06/07/2004, Công ty tiếp tục tăng vốn điều lệ lên mức 10.000.000.000 VNĐ để tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, phát triển các sản phẩm chiếu sáng công cộng, các thiết bị đô thị, xây lắp công trình chiếu sáng công cộng, khuôn viên công viên, vườn hoa, thiết kế hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống tín hiệu giao thông.

Ngày 16/07/2007, nhằm đưa Công ty phát triển mạnh theo hướng hoàn thiện hơn nữa các sản phẩm truyền thống, đồng thời phát triển mở rộng kinh doanh đa ngành nghề để đáp ứng hội nhập Quốc tế. Công ty tiếp tục tăng vốn điều lệ Công ty lên 20.266.950.000 VNĐ thông qua chào bán cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu, CBCNV.

Tháng 6/2009, Công ty chuyển trụ sở chính từ Hà Nội về Hưng Yên và đồng thời đổi tên mới thành Công ty cổ phần Công nghiệp Hapulico và vẫn giữ nguyên logo thương hiệu LITEC® cho đến nay. Công ty đã đầu tư một nhà máy hiện đại tại Hưng Yên với diện tích lên tới 50.791m², nhà máy đồng bộ với hệ thống giao thông nội bộ, kho bãi ngoài trời nhà xưởng và khu phụ trợ... Trong đó bao gồm hơn 25.000m² nhà xưởng công nghiệp, đã trang bị đồng bộ dây chuyền các máy móc thiết bị công nghiệp hiện đại dùng để các sản phẩm phục vụ cho các công trình chiếu sáng đô thị, chiếu sáng đường phố công cộng, chiếu sáng sân vườn, chiếu sáng ngoài trời.

Ngày 09/04/2010, Công ty tiếp tục phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty lên 34.453.800.000 VNĐ thông qua thực hiện các thủ tục đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 28/11/2013, Vốn điều lệ của LITEC tiếp tục được tăng lên 58.074.170.000 VNĐ thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng, thực hiện với UBCKNN. Mức vốn điều lệ này vẫn được giữ nguyên cho tới thời điểm hiện tại.

Sản phẩm của Công ty cung cấp chủ yếu cho các đối tác lớn như Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng sản xuất và thương mại

An Việt, Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Hồng Đại Phát, Công ty cổ phần thương mại và phát triển đô thị Việt Nam,... Ngoài ra LITEC còn thực hiện xuất khẩu các sản phẩm tới các đối tác tại nước ngoài như Công ty Bonnel supply ply limited – Úc, Công ty IBEX International limited – Venezuela,...

1.1.2 Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng:

Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng từ ngày 30/07/2007 theo Công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1.1.3 Thông tin về về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng quy định Công ty đại chúng theo quy định:

- Vốn điều lệ: 20.266.950.000 đồng.
- Tổng số lượng cổ đông: 573 cổ đông.
- Số lượng cổ đông không phải cổ đông lớn: 573 cổ đông.
- Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 2.026.695 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 100%).

1.1.4 Thông tin về thời điểm chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán:

Công ty chính thức giao dịch đầu tiên trên thị trường Upcom - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội:

- Mã chứng khoán: HPO.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu.
- Số lượng đăng ký giao dịch: 5.807.417 cổ phiếu.
- Số vốn điều lệ: 58.074.170.000 đồng.
- Ngày giao dịch: 22/10/2025.

1.2 Quá trình tăng vốn của Công ty:

Lần 1: Góp vốn thành lập Công ty

- Vốn điều lệ thành lập: 760.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
- Hình thức phát hành: Các cổ đông sáng lập góp vốn thành lập DN
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Số lượng phát hành: 76.000 cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Thời gian hoàn thành: 01/08/1996

- Mục đích: Góp vốn thành lập Công ty

- Cơ sở pháp lý:

+ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 060410 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/08/1996

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc góp vốn thành lập doanh nghiệp

Lần 2: Tăng vốn từ 760.000.000 đồng lên 2.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 760.000.000 đồng

- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 2.000.000.000 đồng

- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu

- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội

- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu

- Số lượng phát hành: 124.000 cổ phiếu

- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)

- Thời gian hoàn thành: 09/05/1997

- Mục đích tăng vốn:

+ Đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh

+ Bổ sung vốn lưu động công ty

- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:

+ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 060410 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/08/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/05/1997.

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc phát hành cho cổ đông hiện hữu.

Lần 3: Tăng vốn từ 2.000.000.000 đồng lên 4.220.000.000 đồng

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 2.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 4.220.000.000 đồng

- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu

- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội

- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu

- Số lượng phát hành: 222.000 cổ phiếu

- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Thời gian hoàn thành: 07/06/2000
- Mục đích tăng vốn: Đầu tư nhà máy và dây chuyền sản xuất mới
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
- + Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 060410 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/08/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07/06/2000.
- + Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc phát hành cho cổ đông đồng hiện hữu.

Lần 4: Tăng vốn từ 4.220.000.000 đồng lên 10.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 4.220.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 10.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành: 578.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Thời gian hoàn thành: 06/07/2004
- Mục đích tăng vốn: Đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
- + Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 060410 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/08/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/07/2004
- + Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc phát hành cho cổ đông đồng hiện hữu

Lần 5: Tăng vốn từ 10.000.000.000 đồng lên 20.266.950.000 đồng

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 10.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 20.266.950.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Cơ quan chấp thuận: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành: 1.026.695 cổ phiếu

- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Thời gian hoàn thành: 28/10/2007
- Mục đích tăng vốn:
 - + Đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh
 - + Bổ sung vốn lưu động công ty
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - + Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 060410 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/08/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 16/07/2007
 - + Nghị quyết ĐHCĐ về việc phát hành cho cổ đông hiện hữu
 - + Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng do UBCKNN cấp
 - + Báo cáo kết quả phát hành số 35/CTCP ngày 28/10/2007 của LITEC

Lần 6: Tăng vốn từ 20.266.950.000 đồng lên 34.453.800.000 đồng

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 20.266.950.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 34.453.800.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:7 (sở hữu 10 cổ phiếu của Công ty thì được mua 07 cổ phiếu mới)
- Cơ quan chấp thuận: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành: 1.418.685 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Thời gian hoàn thành: 30/03/2010
- Mục đích tăng vốn: Góp vốn đầu tư và thành lập Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản Hapulico
- Phương án tăng vốn:
 - + Vốn góp 8% VDL của Hapulicores: 8.800.000.000 đồng
 - + Hỗ trợ Công ty TNHH Nhà nước MTV Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị góp vốn điều lệ Công ty Hapulicores: 4.738.461.125 đồng
 - + Hỗ trợ vốn và di dời giải phóng mặt bằng: 5.600.000.000 đồng
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:

- + Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100382419, đăng ký thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 09/04/2010
- + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/NQ-HĐCĐ-LITEC ngày 14/11/2009
- + Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng số 495/UBCK-GCN ngày 18/01/2010 do UBCKNN cấp
- + Báo cáo kết quả phát hành ngày 30/03/2010 của LITEC

Lần 7: Tăng vốn từ 34.453.800.000 đồng lên 58.074.170.000 đồng

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 34.453.800.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 58.074.170.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 100:27 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận thêm 27 cổ phần mới) và phát hành cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 100:47 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận thêm 47 cổ phần mới)
- Cơ quan chấp thuận: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành: 2.362.037 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Thời gian hoàn thành: 21/11/2013
- Mục đích tăng vốn:
- + Đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất tăng cường năng lực sản xuất của công ty
- + Bổ sung vốn lưu động công ty
- Phương án tăng vốn:
- + Đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị cốt lõi: 15.000.000.000 đồng
- + Bổ sung vốn lưu động: 7.670.606.000 đồng
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
- + Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100382419, đăng ký thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 28/11/2013

- + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2013/NQ-HĐCĐ-HPLIDT ngày 25/05/2013
- + Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng số 40/GCN-UBCK ngày 05/09/2013 của UBCKNN cấp
- + Báo cáo kết quả phát hành số 58/2013/CV-HPLIDT ngày 21/11/2013 của LITEC.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1 Ngành nghề kinh doanh chính:

Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng:

2740 (Chính) Chi tiết: Sản xuất cột điện, đèn chiếu sáng; Sản xuất thiết bị chiếu sáng cố định trên đường phố; Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho các phương tiện giao thông; Sản xuất cột, đèn tín hiệu giao thông; Sản xuất thiết bị phục vụ đô thị; Sản xuất thiết bị phục vụ trang trí

Sản xuất các cấu kiện kim loại:

2511(Chính) Chi tiết: Sản xuất thiết bị phục vụ công trình đô thị, công trình giao thông (hộ nan, giải phân cách, cọc tiêu, cọc xích,..); Sản xuất chế tạo cột thép điện lực, cột thép phục vụ bưu chính viễn thông, cột đèn sân vườn, cột và cấu kiện trang trí; Chế tạo các đầm cầu thép bằng phương pháp hàn, gia công cơ khí các cấu kiện kim loại khác.....

Công ty thực hiện sản xuất và kinh doanh 3 dòng sản phẩm chủ lực bao gồm:

- **Cột và cần đèn đường chiếu sáng:** Sản xuất các loại cột thép chiếu sáng, trụ tín hiệu giao thông, và các kết cấu thép công nghiệp khác. Sản phẩm được chế tạo với kỹ thuật hàn tiên tiến, xử lý bề mặt bền bỉ, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật trong và ngoài nước.
- **Đèn LED chiếu sáng đô thị:** Bao gồm đèn đường LED, đèn sân vườn, đèn pha chiếu sáng công trình với công suất đa dạng, mẫu mã hiện đại, độ bền cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.

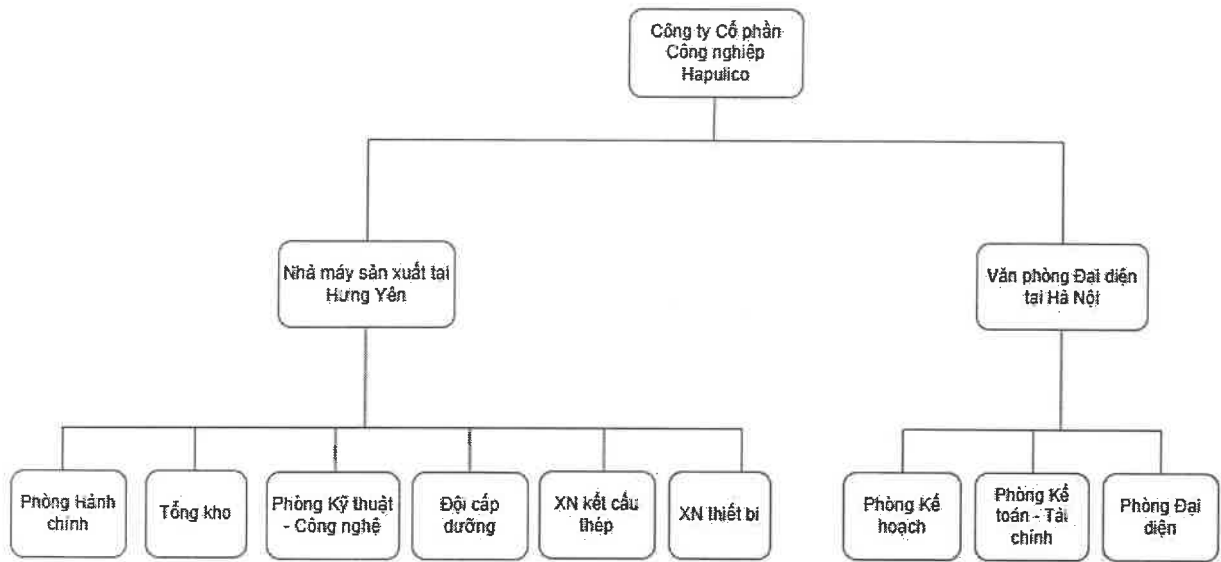
Sản phẩm cơ khí khác: Bao gồm các chi tiết gia công cơ khí chính xác, sản phẩm cơ khí tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn được sản xuất theo yêu cầu riêng biệt của từng dự án.

2.2 Địa bàn hoạt động kinh doanh chính: Thành phố Hà Nội và các nước như Úc, Mỹ, Venezuela, Campuchia.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1 Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý:

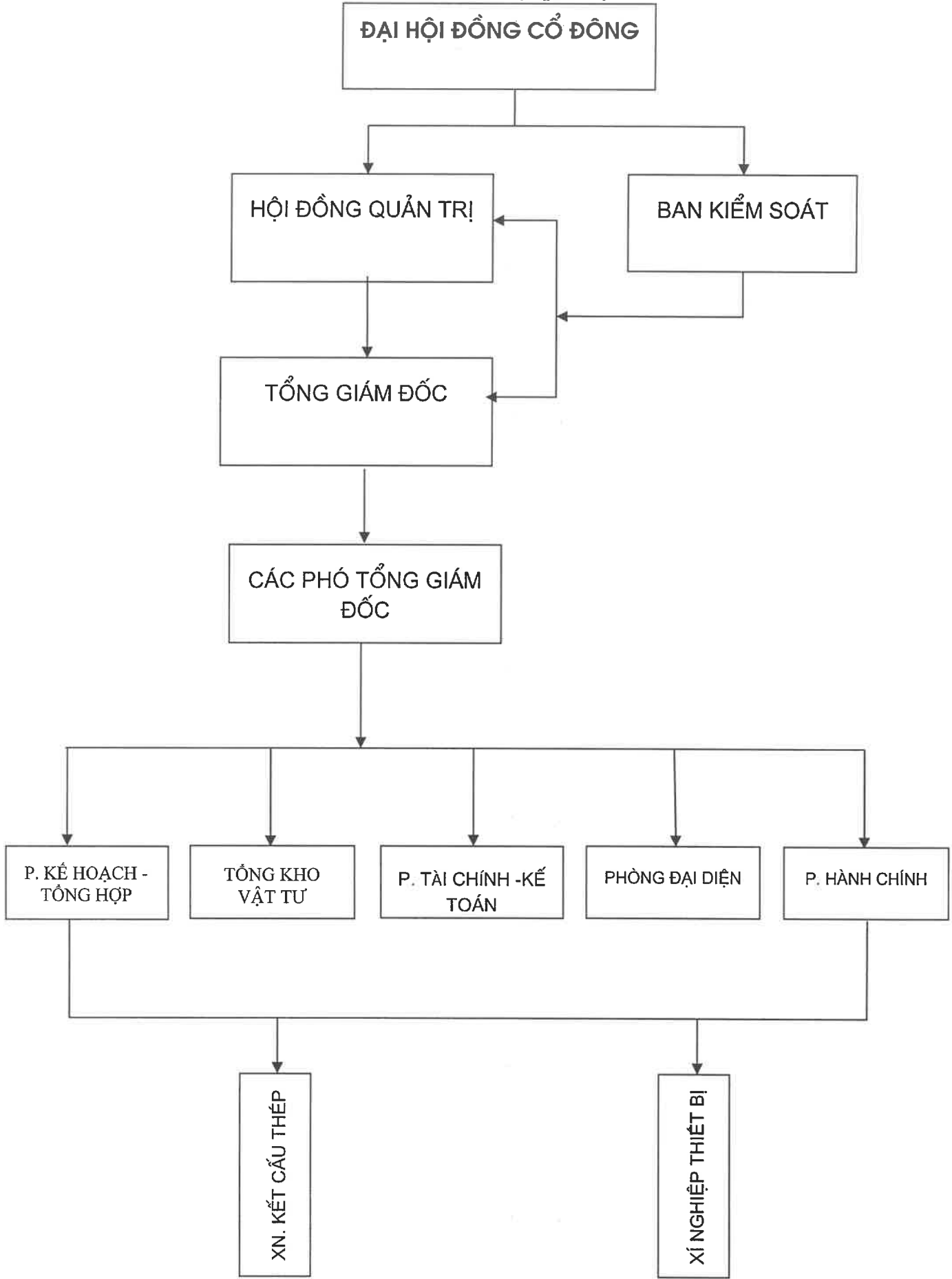
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico hiện không có Công ty con, công ty liên kết và chi nhánh. Công ty có 01 (một) nhà máy sản xuất tại tỉnh Hưng Yên và 01 (một) văn phòng đại diện tại thành phố Hà Nội.



(Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico)



Cơ cấu bộ máy quản lý



3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty theo mô hình Công ty cổ phần bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc
- Các Phòng chuyên môn thuộc Công ty
- Các xí nghiệp

3.2.1 Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ Công ty quy định.

3.2.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, chịu trách nhiệm triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị có quyền quyết định và thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế và tuân theo nguyên tắc kế thừa.

Hội đồng quản trị của công ty hiện nay bao gồm các thành viên sau:

STT	Tên	Chức danh
1	Ông Trần Hậu Phượng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông La Quý Hưng	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Đức Quang	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Lê Thanh Hiền	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Thành viên Hội đồng quản trị

3.2.3 Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát có 03 thành viên. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban Kiểm soát là cổ đông trong Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín. Ban Kiểm

soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty.

Ban Ban Kiểm soát của công ty bao gồm các thành viên như sau:

STT	Tên	Chức danh
1	Ông Lê Anh Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Lại Thị Bích Hoàn	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Nguyễn Chiến Thắng	Thành viên Ban Kiểm soát

3.2.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của công ty bao gồm các thành viên như sau:

STT	Tên	Chức danh
1	Ông La Quý Hưng	Tổng Giám đốc
2	Ông Lê Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Đức Quang	Phó Tổng Giám đốc

✓ Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và những thông lệ quản trị tốt nhất.
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm đảm bảo các hoạt động cũng như cơ cấu quản lý của Công ty một cách tốt nhất, trình lên Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý.

- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm;
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Đề xuất, tổ chức thực hiện những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc điều hành.

✓ *Phó Tổng Giám đốc I*

Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc quản lý điều hành Phòng kế hoạch tổng hợp, điều hành kế hoạch sản xuất tại nhà máy, phụ trách kinh doanh, bán hàng, mở rộng thị trường, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và trước Pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

✓ *Phó Tổng Giám Đốc II*

Phó Tổng Giám Đốc là người giúp Tổng Giám Đốc điều hành phòng Hành chính tổng hợp, phụ trách công tác an toàn vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, bảo lụt, an ninh tại khu vực nhà máy sản xuất. Ngoài ra, Phó tổng giám đốc còn điều hành công tác điện, nước, tổ chức nấu ăn giữa ca, chăm lo cho đời sống cán bộ công nhân viên ngày một cải thiện tốt hơn. Phó Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và trước Pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

✓ *Kế toán trưởng*

Kế toán trưởng của Công ty hiện nay là:

STT	Tên	Chức danh

1	Bà Tô Thị Thúy Hồng	Kế toán trưởng
---	---------------------	----------------

- Kế toán trưởng thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ về chuyên môn hoạt động tài chính - kế toán của Công ty. Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc điều hành Công ty về các hoạt động tài chính - kế toán phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.
- Kiểm soát chặt chẽ tính pháp lý của tất cả các chứng từ thu - chi trong hoạt động tài chính của Công ty. Báo cáo kịp thời cho Tổng Giám đốc những trường hợp không hợp lệ để Tổng Giám đốc có Quyết định xử lý ngay.
- Xây dựng kế hoạch tài chính - kế toán năm sau cho Công ty. Khóa sổ hoạt động tài chính năm báo cáo vào ngày 31/12 hàng năm và hoàn tất các báo cáo tài chính - kế toán tổng hợp của năm báo cáo đúng thời gian quy định của Luật kế toán hiện hành.
- Xây dựng và ban hành chế độ làm việc cụ thể trong nội bộ phòng. Phân công, phân nhiệm cho các nhân viên phòng kế toán, thực hiện chế độ kiểm tra kiểm soát định kỳ và bất thường với mọi hoạt động trong phòng. Thay mặt phòng phối hợp các hoạt động với các phòng, ban các đơn vị thành viên trong Công ty.
- Ký các văn bản báo cáo, chứng từ tài chính kế toán trước khi trình Tổng Giám đốc ký. Phụ trách đối ngoại, trực tiếp quản lý vốn bằng tiền, kiểm tra hoạt động SXKD. Đôn đốc công nợ, kiểm tra tổng hợp báo cáo đối nội toàn Công ty.
- Thường xuyên theo dõi nắm vững pháp luật, chế độ chính sách hiện hành về kế toán quản lý tài chính trong doanh nghiệp. Nắm vững kế hoạch SXKD và phương hướng phát triển của Công ty, quán triệt chức năng nhiệm vụ của bộ phận kế toán và pháp quy của Công ty.
- Kiểm tra, ký các chứng từ thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng trước khi trình Tổng Giám đốc ký duyệt chi.
- Nắm vững các thủ tục vay của các ngân hàng mà Công ty có mở tài khoản. Tổ chức sổ sách theo dõi chi tiết phát sinh tăng, giảm và số dư hàng ngày các tài khoản tiền vay ngân hàng.
- Kiểm tra các dự toán, quyết toán các công trình và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, đảm bảo thanh toán thu hồi vốn.
- Tham gia bàn giao nghiệm thu và thanh quyết toán các công trình lớn.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Kế toán trưởng như quy định của Bộ Tài chính về Kế toán trưởng.

3.2.5 Các phòng ban chức năng của Công ty

✓ Phòng hành chính tổng hợp

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ công nhân viên.

- Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc của doanh nghiệp. Lập kế hoạch mua sắm trang thiết bị trình Tổng Giám đốc phê duyệt, thực hiện công tác kiểm tra, kiểm kê tài sản các trang thiết bị văn phòng định kỳ hàng năm theo quy định.
 - Tiếp nhận các văn bản, thư từ, công văn tại khu vực nhà máy Hưng yên chuyển đến Tổng Giám đốc Công ty và các phòng ban bộ phận có liên quan.
 - Thường trực, bảo vệ cơ quan, cơ sở vật chất, bến bãi kho tàng, văn phòng doanh nghiệp. Phối hợp với chính quyền và công an địa phương trong công tác bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội.
 - Đảm bảo hệ thống điện thoại, liên lạc cấp điện cấp nước phục vụ cho toàn Công ty.
 - Xây dựng quy định về phòng chống cháy nổ, đảm bảo công tác an toàn phòng chống cháy nổ, công tác huấn luyện thường xuyên, tổ chức chữa cháy kịp thời khi xảy ra cháy nổ.
 - Xây dựng về quy định và giám sát việc thực hiện An toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và phòng chống cháy nổ.
 - Soạn thảo các chức năng nhiệm vụ của của Phòng.
 - Lưu trữ, bảo quản hồ sơ trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ của Phòng.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc yêu cầu.
- ✓ *Phòng tài chính - kế toán*
- Quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động tài chính kế toán.
 - Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc về tình hình tài chính và các chiến lược về tài chính.
 - Lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp.
 - Lập dự toán nguồn vốn, phân bổ, kiểm soát vốn cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.
 - Dự báo các số liệu tài chính, phân tích thông tin, số liệu tài chính kế toán.
 - Quản lý vốn nhằm bảo đảm cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và việc đầu tư của Công ty có hiệu quả.
 - Tham gia xây dựng đơn giá tiền lương, các nội quy, quy định, quy chế... Công ty.
 - Theo dõi kiểm tra thực hiện quy chế trả lương, quỹ lương hàng tháng, tổng hợp giúp Tổng Giám đốc sử dụng có hiệu quả quỹ tiền lương, tiền thưởng để tiền lương, tiền thưởng thực sự là đòn bẩy phát triển SXKD
- ✓ *Phòng kế hoạch tổng hợp*
- Tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc định hướng phát triển SXKD, phát triển thị trường. Xây dựng kế hoạch dài hạn và định kỳ hàng năm, quý, tháng cho toàn bộ hoạt động SXKD toàn Công ty.

- Tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc phát triển các mối quan hệ đối tác mở rộng quan hệ giữa Công ty tới các đối tác trong và ngoài nước nhằm nâng cao uy tín và vị thế của Công ty. Tìm kiếm thị trường nhằm đảm bảo phát triển kinh doanh hướng tới xuất khẩu. Triển khai các thủ tục ký kết hợp đồng với khách hàng, tham gia đấu thầu các công trình mời thầu.
 - Giúp Tổng Giám đốc tổ chức triển khai các chương trình, mục tiêu và kế hoạch SXKD do Công ty đề ra trong từng giai đoạn. Triển khai giao kế hoạch hàng tháng tới từng đơn vị.
 - Tổng hợp hoạt động SXKD giúp Tổng Giám đốc nắm bắt khả năng của từng đơn vị, trên cơ sở đó phân công, điều hành các đơn vị đảm bảo hoàn thành mục tiêu SXKD đã đề ra.
 - Hàng tháng xây dựng trình duyệt giá thành định mức toàn bộ sản phẩm của công ty, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, đơn giá nhân công của từng sản phẩm.
- ✓ *Văn phòng đại diện:*
- Văn phòng đại diện (VPĐD) là đại diện uỷ quyền của Công ty để giao dịch với các cơ quan hữu quan, các ban ngành, các nhà cung cấp và các khách hàng, quảng bá thương hiệu của Công ty. VPĐD không có chức năng kinh doanh.
- VPĐD là đơn vị tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo hoạt động của toàn bộ Công ty.
 - Thực hiện tham mưu cho Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện chức năng quản lý trong các lĩnh vực như tổ chức bộ máy, thi đua khen thưởng và các công tác hành chính tại VPĐD, tổng hợp báo cáo, văn thư lưu trữ, đối nội, đối ngoại, lễ tân, khánh tiết, quản lý cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động thường xuyên theo quy định của Pháp luật.
 - Tham mưu, xây dựng quy chế tiền lương và thực hiện công tác lao động tiền lương, chế độ chính sách, thực hiện công tác BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác đối với CBCNV.
 - Có chức năng tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác sắp xếp cải tiến tổ chức quản lý bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ. Thực hiện chế độ chính sách Nhà nước đối với Người lao động, quản lý hành chính và văn phòng Công ty đáp ứng yêu cầu ổn định và phát triển của Công ty.
 - Văn phòng đại diện là bộ phận chức năng của Công ty, nghiên cứu soạn thảo các nội quy, quy chế về nội quy lao động trong nội bộ Công ty.
 - Tham mưu cho Tổng Giám đốc giải quyết các thủ tục về HĐLĐ, tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi việc đối với cán bộ công nhân viên.
 - Phối hợp với ban chấp hành công đoàn, soạn thảo thỏa ước lao động tập thể hàng năm.

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc giải quyết chính sách chế độ với người lao động theo quy định của Bộ luật lao động. Theo dõi giải quyết các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ thất nghiệp, tai nạn lao động, hưu trí, chế độ nghỉ việc, và các chế độ chính sách khác.
 - Nghiên cứu đề xuất các phương án cải tiến tổ chức quản lý sắp xếp cán bộ, công nhân cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Lập chương trình đào tạo hàng năm và phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ khác thực hiện.
 - Tham mưu, xây dựng quy chế thi đua khen thưởng và kỷ luật, giúp việc cho Tổng Giám đốc về công tác Thi đua khen thưởng, kỷ luật của doanh nghiệp, thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật. Có trách nhiệm đôn đốc tiếp nhận thông tin báo cáo các đơn vị, tổng hợp báo cáo với lãnh đạo. Theo dõi nhận xét cán bộ công nhân viên để có đề xuất về công tác nâng lương, nâng bậc hàng năm.
 - Thực hiện các chế độ chính sách về lao động, tiền lương.. theo quy định của Pháp luật, quy chế, nội quy của Công ty.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc yêu cầu.
- ✓ *Tổng kho vật tư:*
- Là đơn vị quản lý kho vật tư, thành phẩm, bán thành phẩm và toàn bộ tài sản của Công ty tại nhà máy sản xuất.
 - Tham mưu cho Tổng giám đốc công tác quản lý kho tàng tại công ty sao cho hiệu quả và thật chặt an ninh, chống thất thoát.
 - Giúp việc cho Phó Tổng giám đốc trong kiểm soát trọng lượng, số lượng, chủng loại hàng đi mã
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc yêu cầu.
- ✓ *Đội cấp dưỡng*
- Tổ chức bếp ăn tập thể đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, đảm bảo nâng cao sức khỏe người lao động. Giám sát quy trình mua – chế biến – bảo quản thực phẩm và tham mưu cải thiện chất lượng bữa ăn ca cho người lao động.
- ✓ *Phòng kỹ thuật- công nghệ*
- Xây dựng giá thành, định mức sản phẩm, hỗ trợ mua vật tư sản xuất. Tham gia xây dựng quy trình kỹ thuật, định mức nguyên vật liệu và đơn giá nhân công; hỗ trợ Phó Tổng Giám đốc trong công tác thu mua vật tư, dụng cụ, hàng hóa phục vụ sản xuất.
- ✓ *Xí nghiệp kết cấu thép:*
- Đơn vị trực thuộc chuyên gia công, chế tạo sản phẩm cơ khí theo đơn hàng. Tổ chức sản xuất, thiết lập định mức lao động, kiểm soát chất lượng, thực hiện ISO 9001:2008, Kaizen – 5S. Báo cáo sản xuất, phối hợp đào tạo và thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật –

thiết kế theo yêu cầu.

✓ **Xí nghiệp Thiết bị**

Đảm nhiệm chế tạo, lắp ráp đèn chiếu sáng công cộng, các sản phẩm nhựa, composite và kết cấu thép phục vụ chiếu sáng đô thị. Quản lý thiết bị, bảo trì máy móc, thực hiện quy trình ISO 9001, đảm bảo tiến độ và chất lượng, góp phần nâng cao uy tín sản phẩm trong nước và quốc tế.

3.3 Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- Phát huy tối đa năng lực sản xuất kinh doanh của công ty, mở rộng sản xuất, đa dạng hóa các sản phẩm cột, đèn chiếu sáng.
- Mở rộng thị trường, duy trì tốt hệ thống đại lý bán hàng khắp cả nước và tăng cường xuất khẩu sản phẩm trên thế giới.
- Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại với công nghệ cao nhằm nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Kiện toàn bộ máy sản xuất kinh doanh, áp dụng khoa học, công nghệ tiên tiến tạo điều kiện phát triển cho các năm tiếp theo.
- Tiếp tục hoàn thiện phương thức quản lý khoa học, bằng cách ứng dụng công nghệ tin học trong quản lý.
- Tiếp tục tích lũy dần nguồn lực để phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025 như sau:

DVT: VNĐ đồng

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ
1	Doanh thu	150.000.000.000
2	Lợi nhuận	5.500.000.000
3	Nộp NSNN	3.000.000.000
4	Chi cổ tức/ mệnh giá (5%/MG)	2.904.000.000
5	Thu nhập bình quân người/tháng	8.500.000

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn của công ty:

4.2.1 Tối ưu vận hành và nâng cao năng lực sản xuất:

- Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại (cắt CNC, hàn tự động, robot hóa..)
- Chuẩn hóa quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Giảm hao hụt nguyên vật liệu, tăng năng suất lao động, tăng chất lượng sản phẩm.

4.2.2 Mở rộng thị trường:

- Tập trung phát triển thị trường nội địa tại các thành phố lớn như Hà Nội, HCM. Đà Nẵng

- Tìm kiếm đối tác tổng thầu, nhà thầu xây dựng lớn, uy tín là bạn hàng lâu năm.
- Phát triển thị trường xuất khẩu sang Úc, Mỹ, Newzeland và các thị trường tiềm năng khác.

4.2.3 Xây dựng thương hiệu và uy tín:

- Đảm bảo chất lượng cao, tiến độ uy tín, an toàn tuyệt đối.
- Xây dựng hồ sơ năng lực mạnh, đẩy mạnh marketing: website, hồ sơ thầu, quan hệ tốt với các nhà thầu..

4.2.4 Quản trị tài chính – chi phí hiệu quả:

- Kiểm soát tốt giá thành, tiết kiệm chi phí, đảm bảo nguồn cung các chi phí đầu vào ổn định, chủ động ứng phó với các diễn biến thị trường.
- Quản trị tài chính minh bạch, tuân thủ tốt quy định pháp luật của nhà nước.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

- Về môi trường: Công ty chú trọng hơn nữa đến công tác bảo vệ môi trường, đánh giá tác động của hoạt động SXKD đến môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường thông qua việc tối ưu hóa tiêu hao năng lượng, kiểm soát phát thải khí, bụi và tiếng ồn trong quá trình sản xuất.
- Phối hợp với sở tài nguyên môi trường định kỳ kiểm tra chất thải, nước thải sản xuất công nghiệp đồng thời có những biện pháp xử lý kịp thời góp phần bảo vệ môi trường.
- Công ty hướng tới tăng cường tái sử dụng phế liệu thép, quản lý chặt chẽ chất thải nguy hại và áp dụng các giải pháp tiết kiệm điện, nước, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành.
- Về xã hội: Đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động, nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên trong công ty.
- Chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cao, công nhân lành nghề... nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất.
- Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp và ổn định cho người lao động. Các chương trình đào tạo an toàn lao động được tổ chức định kỳ hàng năm cùng với việc cải thiện môi trường làm việc nhằm giảm thiểu rủi ro tai nạn và bệnh nghề nghiệp. Hàng năm công ty đều phát quần áo bảo hộ lao động đầy đủ.
- Bữa ăn giữa ca luôn phải đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, thực phẩm theo mùa, có phát sữa bồi dưỡng chống độc hại cho người lao động. Khi thời tiết nắng nóng, công ty có chế độ ăn chống nóng bằng cách bổ sung hoa quả cho người lao động trong các bữa ăn hàng ngày.
- Đối với cộng đồng: Công ty cam kết phát triển hài hòa với địa phương, ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương và tích cực tham gia các hoạt động do công đoàn xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên tổ chức.

- Công ty tích cực kết nạp thêm đảng viên mới, nhằm xây dựng đội ngũ đảng viên trong sạch, vững mạnh. Quan tâm đến đời sống của đoàn viên trong công ty, động viên, giúp đỡ kịp thời khi người lao động hoặc gia đình họ gặp khó khăn.

Thông qua các mục tiêu trên, Công ty hướng tới phát triển bền vững, nâng cao giá trị doanh nghiệp và đóng góp tích cực cho xã hội.

5. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

5.1 Rủi ro về nhu cầu thị trường:

Rủi ro thị trường phát sinh từ sự biến động của nhu cầu đầu tư trong các lĩnh vực điện lực, viễn thông và xây dựng. Việc chậm triển khai các dự án đầu tư công hoặc suy giảm của thị trường xây dựng có thể dẫn đến giảm nhu cầu sản phẩm, từ đó ảnh hưởng đến doanh thu và hiệu quả hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, áp lực cạnh tranh về giá trong ngành ngày càng gia tăng cũng có thể làm suy giảm biên lợi nhuận.

5.2 Rủi ro biến động giá cả thị trường:

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu, đặc biệt là thép – nguyên liệu đầu vào chủ yếu của Công ty. Giá thép trên thị trường có thể biến động mạnh theo chu kỳ kinh tế và tình hình cung cầu, trong khi nhiều hợp đồng đã được ký kết với giá cố định, dẫn đến nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận.

5.3 Rủi ro về tài chính - lãi suất

Rủi ro tài chính liên quan đến dòng tiền và công nợ. Đặc thù khách hàng của Công ty chủ yếu là các nhà thầu và chủ đầu tư dự án, do đó thời gian thanh toán có thể kéo dài, làm gia tăng áp lực vốn lưu động. Ngoài ra, biến động lãi suất cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Công ty.

5.4 Rủi ro về hoạt động sản xuất:

Rủi ro trong hoạt động sản xuất bao gồm sự cố máy móc, gián đoạn dây chuyền sản xuất, rủi ro về thiếu hụt lao động có tay nghề, biến động nhân sự kỹ thuật, quản lý. Rủi ro về an toàn lao động và chất lượng sản phẩm. Các sự cố này không chỉ làm gián đoạn hoạt động mà còn có thể phát sinh chi phí khắc phục, ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng, uy tín và quan hệ với khách hàng.

5.5 Rủi ro về pháp lý:

Là một Công ty cổ phần đại chúng hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế, cùng với hệ thống pháp luật chung, lại chịu sự quản lý ngành và tác động của các chính sách đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty nên bất kỳ việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới.. của Nhà nước, nhất là những điều chỉnh liên quan đến hoạt động của ngành đều có thể ảnh hưởng tới Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng một môi trường pháp lý tương đối ổn định, cơ sở pháp lý về hoạt động đặc thù ngành cũng như các quy định trên thị trường chứng khoán cũng được điều chỉnh hoàn thiện

hơn, tuy nhiên vẫn còn khá nhiều bất cập và vẫn đang tiếp tục được điều chỉnh đòi hỏi Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật. Song song đó, những sự thay đổi về chính sách ưu đãi đối với đầu tư xây dựng, phát triển đô thị cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới vẫn đang từng bước xây dựng và hoàn chỉnh nên Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

5.6 Rủi ro cạnh tranh

Là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thiết bị đô thị, chiếu sáng công cộng là mặt hàng đang phát triển mạnh tại các nước trong khu vực như Trung Quốc, Đài Loan, Malaysia v.v.... Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp trong nước cũng đang đầu tư phát triển mạnh lĩnh vực này. Do vậy, Công ty không tránh khỏi sự cạnh tranh gay gắt về thị trường, mặt hàng và giá cả. Để tồn tại và phát triển, Công ty phải không ngừng đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế sản phẩm mới chính xác, chất lượng tốt hơn và công tác quản lý bán hàng linh hoạt hơn, phù hợp với tình hình biến động giá cả thị trường, góp phần thúc đẩy cho công tác quản lý hiệu quả hơn để đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững.

5.7 Rủi ro môi trường và xã hội:

Rủi ro môi trường và xã hội liên quan đến tác động của hoạt động sản xuất đối với môi trường xung quanh và cộng đồng địa phương, bao gồm các vấn đề về bụi, tiếng ồn và chất thải. Nếu không được kiểm soát tốt, các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín của Công ty.

5.8 Rủi ro đặc thù

Là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, lắp đặt các thiết bị đô thị và chiếu sáng công cộng nên thị trường tiêu thụ sản phẩm phụ thuộc vào kế hoạch của Nhà nước khi quy hoạch, phát triển giao thông các tỉnh, thành phố trong cả nước nên thường thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài, việc thanh toán công trình thường chậm, làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy vậy, Công ty sẽ chủ động hơn nữa trong việc chuẩn bị vật tư đầu vào và để đáp ứng nhu cầu sản xuất, khắc phục rủi ro đặc thù này.

5.9 Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, gián đoạn chuỗi cung ứng và các biến động của chính trị - xã hội khác...

Nhằm giảm thiểu tác động của các rủi ro nêu trên, Công ty đã và đang triển khai các biện pháp quản trị phù hợp như đa dạng hóa nguồn cung nguyên vật liệu, tăng cường kiểm soát chi phí, nâng cao năng lực quản lý sản xuất, tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật, đồng thời chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và bền vững.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2022 – 2025

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1. Tổng tài sản (cuối kỳ)	153.716	155.488	159.340	166.624
2. DTT bán hàng và cung cấp dịch vụ	210.497	148.331	146.506	174.688
3. Giá vốn hàng bán	183.744	127.528	123.836	143.826
4. Lợi nhuận gộp	26.753	20.803	22.670	30.862
5. Doanh thu hoạt động tài chính	388	950	1.394	2.406
6. Chi phí tài chính	131	11	24	26
7. Chi phí bán hàng	5.055	4.569	3.676	4.522
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.426	10.120	10.184	11.682
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.529	7.053	10.180	17.038
10. Thu nhập khác	3	1	0	105
11. Chi phí khác	15	14	3	4
12. Lợi nhuận khác	-12	-13	-3	101
13. Lợi nhuận trước thuế	11.516	7.040	10.177	17.139
14. Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.313	1.280	1.802	3.189
15. Lợi nhuận sau thuế	9.203	5.760	8.375	13.950

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm của CTCP Công nghiệp Hapulico)

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

▪ Thuận lợi

Công ty có những thuận lợi đặc thù riêng có của ngành nghề và lợi thế về nền tảng cơ sở sản xuất kinh doanh như: Công ty đầu tư máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất quy mô lớn, mặt bằng nhà xưởng lớn đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất, Thương hiệu sản phẩm LITEC uy tín, chất lượng là cơ sở để khách hàng lựa chọn.

Công ty có đội ngũ CB-CNV tâm huyết, gắn bó với Công ty, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, công nhân lành nghề nên chất lượng sản phẩm ổn định, uy tín đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước.

Hơn nữa, Công ty đã nhận được sự ủng hộ tích cực của cổ đông, sự đoàn kết gắn bó nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên nhằm khắc phục khó khăn, chủ động tìm kiếm đơn hàng, hoàn thành theo tiến độ yêu cầu khách hàng, đảm bảo đời sống cho nhân viên, trả cổ tức cho các cổ đông và có tích lũy.

Phần lớn sản phẩm và dịch vụ của Công ty là phục vụ cho các công trình hạ tầng sử dụng vốn ngân sách. Trong năm 2025, nhu cầu đầu tư công cho các công trình hạ tầng tương đối nhiều nên cũng tạo nhiều công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động cũng như nâng hiệu quả SXKD cho Công ty.

Ngoài ra việc xuất khẩu sản phẩm của công ty ra nước ngoài như: Úc, Newzeland... cũng tăng trưởng góp phần tăng trưởng lợi nhuận.

▪ *Khó khăn*

Thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt về giá, về chất lượng, về tốc độ giao hàng sao cho đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Tuyển dụng lao động có kỹ thuật cơ khí rất khó khăn vì khan hiếm, chi phí tuyển dụng, tiền lương, chế độ cho người lao động cũng phải tăng lên để giữ chân người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.

Chi phí đầu vào biến động lớn do tác động của nền kinh tế trong và ngoài nước. Đặc biệt là chi phí sắt thép và chi phí mạ gây ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

▪ *Nguồn nguyên vật liệu*

Vật liệu chính của Công ty chủ yếu là các loại thép tròn, thép tấm, thép ống, thép hộp và tôn cuộn Công ty mua từ Công ty TNHH XD Trường Thành, Công ty TNHH kết cấu thép 568... chuyên nhập khẩu trực tiếp từ các nhà cung cấp uy tín nên ổn định về chất lượng và thời gian giao hàng.

Vật liệu phụ bao gồm: dây hàn, que hàn, khí cắt, đá mài, đá cắt, bu lông, đai ốc, phụ tùng máy móc, thiết bị điện, cáp điện, dây điện, sơn và các vật tư khác được cung cấp bởi các công ty là các bạn hàng truyền thống lâu năm nên chất lượng hàng hoá ổn định, giá cả phù hợp với biến động thị trường.

▪ *Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu*

Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu đầu vào rất quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm và lợi nhuận của Công ty. Do nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nguyên liệu ổn định và để kiểm soát chi phí đầu vào nên Công ty đã chủ động trong việc ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp

nhằm đảm bảo nguồn cung nguyên liệu ổn định phục vụ cho quá trình hoạt động kinh doanh.

Công ty mua nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh từ các nhà cung cấp có uy tín như:

TT	Tên nhà cung cấp	Loại nguyên liệu	Xuất xứ
1	Công ty TNHH xây dựng Trường Thành	Tôn cuộn, thép tấm	Trung quốc, Việt Nam
2	Công ty cổ phần Kim Tín	Que hàn, dây hàn	Việt Nam
3	Công ty cổ phần đá mài Hải Dương	Đá mài	Việt nam
4	Công ty cổ phần thiết bị và khí công nghiệp Đông Lợi	Khí gas công nghiệp	Việt Nam
5	Công ty TNHH sơn miền nam	Sơn, dung môi	Việt Nam
6	Xí nghiệp bulong ốc vít Từ Sơn	Boulon móng	Việt Nam
7	Công ty cổ phần đầu tư thương mại Sơn Linh	Dịch vụ mạ sản phẩm	Việt Nam
8	Công ty TNHH bảo hộ Việt	Găng tay, khẩu trang	Việt nam
9	Công ty cổ phần thép sao việt Hưng Yên	Thép ống, thép hộp	Việt nam
10	Công ty cổ phần cột thép mạ kẽm Thái Nguyên	Dịch vụ mạ sản phẩm	Việt nam

(Nguồn: CTCP Công nghiệp Hapulico)

▪ *Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu lợi nhuận:*

Bây mươi phần trăm nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty hiện nay phải nhập khẩu do vậy, biến động tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu, làm giảm lợi nhuận của Công ty. Giá cả vật tư biến động hàng ngày làm ảnh hưởng lớn đến doanh thu của Công ty. Vì để đáp ứng yêu cầu sản xuất, Công ty cần mua dự trữ lượng thép nhất định dẫn đến khó khăn cạnh tranh về giá đối với các sản phẩm cùng loại khác trên thị trường, do đó cũng ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty luôn luôn cố gắng hạn chế tối đa sự ảnh hưởng của biến động giá thép đầu vào bằng cách kiểm soát chặt chẽ giá cả, chất lượng thép ổn định từ các nhà cung cấp truyền thống của Công ty, đẩy mạnh công tác tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới, đồng thời tiết kiệm triệt để chi phí nguyên vật liệu.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	So với KH 2025	So với TH 2024
1	Doanh thu	150 tỷ	174,68 tỷ	116,45%	119,24%
2	Lợi nhuận TT	5,5 tỷ	17,14 tỷ	311,62%	168,42%
3	Nộp Ngân sách	3 tỷ	5,44 tỷ	181,33%	238,59%
4	Chi cổ tức	2,904 tỷ	2,904 tỷ	100,00%	100,00%
5	Thu nhập BQ của NLĐ	8,5triệu /ng/tháng	11,8triệu /ng/tháng	139,61%	129,69%

- So sánh kết quả thực hiện và kế hoạch năm 2025 và kết quả thực hiện năm 2024 cho thấy: Doanh thu thực hiện năm 2025 tăng 16,45%, lợi nhuận trước thuế tăng 213,64% so với kế hoạch năm 2025. Nguyên do doanh thu tăng vì công ty tăng cường mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài với giá tốt cộng với nguồn thu ngoại tệ (đồng USD). Nguồn thu USD do xuất khẩu ổn định góp phần làm tăng lợi nhuận trước thuế do đánh giá lại lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm 2025. Thêm nữa, lợi nhuận trước thuế tăng vì trong năm 2025, một số máy móc, thiết bị giá trị lớn đã hết khấu hao nên chi phí chung giảm, giá thành giảm, làm tăng lợi nhuận gộp. Trong năm, Công ty cũng tiết kiệm hiệu quả hơn chi phí sản xuất, tăng thu hồi bán phế liệu; Ngoài ra, lợi nhuận trước thuế còn tăng do trong năm Công ty đã chuyển nhượng thành công cổ phần đầu tư vào công ty cổ phần bất động sản Hapulico.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 tăng dẫn đến số nộp ngân sách năm 2025 tăng 81,33% so với kế hoạch và tăng 138,59% so với thực hiện năm 2024. Doanh thu năm 2025 tăng đồng nghĩa với tăng sản lượng, dẫn đến tiền lương, thu nhập của người lao động cũng đồng thời tăng lên.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NĂM SINH	SỐ CMND
Ông La Quý Hưng	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1962	019062000017
Ông Phạm Đức Quang	Phó Tổng Giám đốc	1960	001060027611
Ông Lê Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	1969	001069000379
Bà Tô Thị Thúy Hồng	Kế toán trưởng	1979	001179000521

2.1.1 Ông La Quý Hưng – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc công ty

Họ và Tên	:	La Quý Hưng
Giới tính	:	Nam

Ngày tháng năm sinh	:	19/11/1962
Số CCCD	:	019062000017
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Tày
Địa chỉ liên hệ	:	CH2207 tòa 24T3 Thanh Xuân Complex, số 6 Lê Văn Thiêm, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí chế tạo, Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
Từ năm 1988 đến năm 1990	:	Kế toán viên – Nhà máy đại tu tàu sông số 2 Thanh Trì – Hà Nội thuộc Cục đường Sông bộ Giao Thông Vận Tải
Từ năm 1990 đến tháng 3 năm 1992	:	Kế toán tổng hợp – Nhà máy đại tu tàu sông số 2 Thanh Trì – Hà Nội thuộc Cục đường Sông bộ Giao Thông Vận Tải
Từ tháng 4 năm 1992 đến tháng 10 năm 1999:	:	Phụ trách kế toán – Khách sạn Thủy Tiên thuộc sở Du lịch Hà Nội
Từ tháng 11 năm 1999 đến tháng 11 năm 2002	:	Phó phòng kế toán - Công ty Xe điện Hà Nội thuộc Sở giao thông công chính Hà Nội
Từ tháng 12 năm 2002 đến tháng 3 năm 2004	:	Kế toán tổng hợp - Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Chiếu sáng và thiết bị đô thị
Từ tháng 4 năm 2004 đến tháng 9 năm 2011	:	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Từ tháng 10 năm 2011 đến nay	:	Tổng giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Hapulico
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	300.156 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 5,17% VDL của Công ty. Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 300.156 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 5,17% VDL của Công ty - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên	:	Không

quan	:	
Các khoản nợ với Công ty	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Thù lao của HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

2.1.2 Ông Phạm Đức Quang - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và Tên	:	Phạm Đức Quang
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	10/01/1960
Số CMND	:	001060027611
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	Nhà vườn NV08 khu HAPULICO, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P.Thanh Xuân Trung, Q.Thanh Xuân. TP.Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	:	
Từ tháng 10 năm 1986 đến tháng 10 năm 1989:	:	Cán bộ kỹ thuật - Công ty Môi Trường đô thị Hà Nội
Từ tháng 11 năm 1989 đến tháng 3 năm 1994	:	Phó Quản đốc xưởng cơ khí – Công ty Môi trường Đô thị Hà Nội
Từ tháng 4 năm 1994 đến tháng 3 năm 1997	:	Phó Giám đốc Xí nghiệp Môi trường số 1 – Công ty Môi trường Đô thị Hà Nội
Từ tháng 4 năm 1997 đến tháng 10 năm 2002	:	Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Đô thị số 5
Từ tháng 11 năm 2002 đến tháng 8 năm 2004	:	Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Đô thị số 3
Từ tháng 9 năm 2004 đến tháng 10 năm 2006:	:	Phó Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh và phát triển thị trường – Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị
Từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 2 năm 2014	:	Giám đốc nhà máy chế tạo thiết bị chiếu sáng – Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị Hà Nội
Từ tháng 3 năm 2014 đến nay	:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Chức vụ đang nắm giữ	:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc



tại Công ty						
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác		: Không				
Số lượng cổ phần nắm giữ		: 388.048 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 6.68% VĐL của Công ty. Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 388.048 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 6.68% VĐL của Công ty - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VĐL của Công ty				
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan		:				
TT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại Công ty	Số CCCD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Phạm Minh Trang	Con đẻ	Không	001191031418	30.000	0,52%
Các khoản nợ với Công ty		: Không				
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty		: Không				
Thù lao và các khoản lợi ích khác		: Thù lao của HĐQT				
Lợi ích liên quan đối với Công ty		: Không				

2.1.3 Ông Lê Minh Đức - Phó Tổng Giám đốc Công ty

Họ và Tên	: Lê Minh Đức
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 07/07/1969
Số CMND	: 001069000379
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ liên hệ	: Số 11B ngách 259/5 phố Vọng, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Quản lý kinh tế

Quá trình công tác	:	
Từ năm 1992 đến năm 1993	:	Nhân viên phòng vật tư - Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị
Từ năm 1993 đến năm 1995	:	Nhân viên phòng kế hoạch - Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị
Từ năm 1995 đến năm 2000	:	Nhân viên phòng vật tư – Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng
Từ năm 2001 đến năm 2004	:	Giám đốc Xí nghiệp phụ kiện - Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng
Từ năm 2005 đến năm 2006	:	Nhân viên kinh doanh - Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị
Từ năm 2007 đến năm 2011	:	Phó phòng kế hoạch tổng hợp - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Từ năm 2012 đến nay	:	Phó tổng giám đốc kiêm trưởng phòng kế hoạch - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	17.508 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0,30% VDL của Công ty. Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 17.508 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0,30% VDL của Công ty - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	Không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Thù lao của ban điều hành
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

2.1.4 Bà TÔ THỊ THÚY HỒNG - Kế toán trưởng Công ty

Họ và Tên	:	Tô Thị Thúy Hồng				
Giới tính	:	Nữ				
Ngày tháng năm sinh	:	18/02/1979				
Số CMND	:	001179000521				
Quốc tịch	:	Việt Nam				
Dân tộc	:	Kinh				
Địa chỉ liên hệ	:	Tổ 5 Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội				
Trình độ văn hóa	:	12/12				
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế				
Quá trình công tác	:					
Từ tháng 9 năm 2001 đến tháng 3 năm 2002:	:	Kế toán tổng hợp - Xí nghiệp cơ điện thuộc Công ty chiếu sáng và thiết bị đô thị.				
Từ tháng 3 năm 2002 đến tháng 3 năm 2003:	:	Kế toán tổng hợp Nhà máy chế tạo thiết bị chiếu sáng thuộc Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị.				
Từ tháng 4 năm 2003 đến tháng 10 năm 2011	:	Kế toán tổng hợp - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico				
Từ tháng 11 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012	:	Phụ trách kế toán - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico				
Từ tháng 6 năm 2012 đến nay	:	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico				
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Kế toán trưởng				
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không				
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	11.007 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0.19% VDL của Công ty. Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 11.007 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0,19% VDL của Công ty; - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty.				
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:					
TT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại Công ty	Số CCCD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ

					giữ	
1	Tô Văn Nam	Anh ruột	Không	001073019253	2.133	0,04%
Các khoản nợ với Công ty		:	Không			
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty		:	Không			
Thù lao và các khoản lợi ích khác		:	Thù lao của Ban điều hành			
Lợi ích liên quan đối với Công ty		:	Không			

Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm: Không có

Số lượng cán bộ, nhân viên: Số lượng người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2025 là 119 người, được phân theo trình độ như sau:

Phân theo trình độ	lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học	24	20,2
Cán bộ có trình độ cao đẳng và trung cấp	37	31,1
Công nhân kỹ thuật	24	20,2
Lao động phổ thông	34	28,5
Phân theo loại hợp đồng		
Lao động chính thức thời hạn từ 1 năm	110	92,4
Lao động hợp đồng thời vụ	9	7,6
Tổng cộng	119	100%

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 60 phút.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: theo quy định của Bộ luật lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm túc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Không có

4. Tình hình tài chính

a, *Tình hình tài chính:*

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	(%) Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	159.340	166.624	+ 4.57%

Doanh thu thuần	146.506	174.688	+19,23%
Lợi nhuận từ SXKD	10.180	17.038	+67,37%
Lợi nhuận khác	-3	101	+ 104%
Lợi nhuận trước thuế	10.177	17.139	+68,41%
Lợi nhuận sau thuế	8.375	13.950	+66,57%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5%/MG	5%/MG	0%

b, Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu tại thời điểm 31/12:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2024	2025
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	5,331	6,934
- Hệ số thanh toán nhanh [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	2,508	3,425
- Hệ số vòng quay khoản phải thu [(Doanh thu thuần)/Phải thu bình quân]	Lần	10,220	17,468
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,151	0,129
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,177	0,148
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	1,749	2,009
- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,931	1,072
- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tài sản cố định bình quân)	Vòng	14,517	15,024
4. Khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,716	7,986
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,295	9,948
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,320	8,559
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / DTT	%	6,948	9,754

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a, Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 5.807.417 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.807.417 cổ phần

b, Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông lớn	05	3.205.466	55,20%
- Trong nước	05	3.205.466	55,20%
Cổ đông nhỏ	184	2.601.951	44,80%
- Trong nước	184	2.601.951	44,80%
Cổ đông tổ chức	01	257.702	4,44%
- Trong nước	01	257.702	4,44%
Cổ đông cá nhân	187	5.549.715	95,56%
- Trong nước	187	5.549.715	95,56%
Tổng	188	5.807.417	100,00%

c, *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Đã trình bày tại mục 1.2- Quá trình tăng vốn của Công ty.*

d, *Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có*

e, *Các chứng khoán khác: Không có*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1 Tác động lên môi trường:

6.1.1 Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp:

Hoạt động sản xuất của Công ty cổ phần công nghiệp Hapulico phát sinh khí nhà kính bao gồm phát thải trực tiếp và gián tiếp. được phân loại theo thông lệ quốc tế (GHG protocol).

Phát thải trực tiếp phát sinh chủ yếu từ các nguồn:

- Gia công cắt hàn phát sinh từ điện: khí CO₂.
- Vận hành máy móc phát sinh từ điện và nhiên liệu: Phát sinh khí CO₂.
- Nấu ăn sử dụng bếp gas: Phát sinh khí CO₂.

Phát thải gián tiếp từ năng lượng phát sinh chủ yếu từ các nguồn:

- Sử dụng điện cho chiếu sáng, thiết bị văn phòng, máy điều hòa không khí: Phát sinh khí CO₂.
- Phương tiện vận chuyển, vận hành xe nâng và các hoạt động sản xuất khác... phát sinh từ điện, nhiên liệu: phát sinh khí CO₂; và một phần nhỏ khí CH₄, N₂O.
- Quá trình xử lý chất thải, hệ thống xử lý nước thải : phát sinh khí CO₂; và một phần nhỏ khí CH₄, N₂O, thường chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng lượng phát thải khí nhà kính.

Bảng kê các loại khí Công ty đã sử dụng trong năm 2025

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá trị
1	Khí CO2	Chai	2252	442.650.000
2	Gas bình	Kg	4995	149.953.248
3	Khí Ar trộn CO2	Chai	533	11.976.000
4	Khí oxy	Chai	1813	102.943.440
5	Khí Ar	Chai	198	37.540.800
	Cộng			845.063.488

Bảng kê các loại nhiên liệu Công ty đã sử dụng trong năm 2025

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá trị
1	Dầu cắt gọt	Lít	208	14.826.240
2	Dầu nhớt rando HD68	Lít	4.576	232.277.760
3	Dầu thủy lực cantex rando HD68	Lít	416	25.396.800
4	Xăng Ron 95	lít	8.248	152.731.160
	Cộng			425.231.960

6.1.2 Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Công ty nhận thức rõ tác động của phát thải nhà kính đối với môi trường và biến đổi khí hậu, từ đó từng bước triển khai các giải pháp nhằm kiểm soát giảm thiểu phát thải thông qua tối ưu hóa sử dụng năng lượng, cải tiến công nghệ và tăng cường quản lý sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát gây tác hại môi trường.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm trong năm có giá trị: 111.726.388.426 đồng.

Tỷ lệ từ 1%-2% nguyên liệu thép được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm chính của Công ty.

6.3 Tiêu thụ năng lượng điện:

Trong năm, công ty luôn cố gắng hạn chế tối đa lượng tiêu thụ điện nhằm tiết kiệm chi phí tối đa nhằm hạ giá thành sản xuất. Mức tiêu thụ điện năng trong năm: 1.077.378.241 đồng (tương đương 448.981 kwh).

Năng lượng điện tiết kiệm được thông qua sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả các sáng kiến này: Không có.

6.4 Tiêu thụ nước:

Trong năm, Công ty sử dụng nước từ nhà cung cấp Công ty cổ phần Bitexco Nam Long với mức sử dụng: 73.209.000 đồng (tương đương 5.305 m³ nước).

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Từ trước tới nay công ty luôn chấp hành tốt các quy định, chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường, luôn quy định các cán bộ công nhân viên trong công ty phải có ý thức

bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường, tiết kiệm điện năng và nước sạch, do đó công ty cũng không bị xử phạt liên quan đến lĩnh vực môi trường.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động:

6.6.1 Số lượng lao động, mức lương bình quân của người lao động:

Trong năm, Do khan hiếm nguồn cung lao động nên Công ty chỉ tuyển dụng được thêm sáu lao động mới và tiếp tục ký hợp đồng lao động với một số lao động đã nghỉ hưu. Số lượng lao động đến ngày 31 tháng 12: 119 lao động. Mức lương bình quân năm: 11.867.000 đồng/người.

6.6.2 Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, phúc lợi của người lao động:

Ban lãnh đạo công ty cũng như ban chấp hành công đoàn công ty thường xuyên quan tâm, thăm hỏi, động viên người lao động mỗi khi bản thân hoặc gia đình thân nhân gặp khó khăn hay sức khỏe hoặc khi gia đình có việc hiếu, hỉ, giúp cho người lao động yên tâm công tác và gắn bó lâu dài với công ty. Công ty vẫn ủng hộ cho trẻ em khuyết tật nhân ngày quốc tế thiếu nhi, tặng quà cho CNV có hoàn cảnh khó khăn trong tháng công nhân, vận động xây dựng quỹ vì người nghèo và ủng hộ đồng bào miền Trung.

6.6.3 Hoạt động đào tạo người lao động:

Người lao động trong công ty hàng năm đều được học an toàn phòng chống cháy nổ do phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy tỉnh Hưng yên giảng dạy và 100% học viên đều được cấp chứng chỉ loại khá, giỏi. Ngoài ra, người lao động còn được hướng dẫn các biện pháp an toàn khi sử dụng máy móc thiết bị hiện đại cũng như được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ khi lao động sản xuất.

Các chương trình đào tạo nghề, đào tạo, phát triển kỹ năng bán hàng, quản lý, thuyết trình, đào tạo tin học, tập huấn thuế, thường xuyên được công ty tổ chức hoặc đăng ký cho nhân viên đi học nhằm nâng cao trình độ nhân viên đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, góp phần tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương:

Nhà máy sản xuất cột thép và cầu kiện thép là một dự án khả thi góp phần tạo công ăn việc làm cho rất nhiều lao động tại địa phương và cụ thể là tỉnh Hưng yên và các tỉnh lân cận khác.. Ngoài ra, trong năm công ty đã đóng góp 5.441.612.641 đồng nộp thuế cho ngân sách tỉnh Hưng yên góp phần xây dựng kinh tế địa phương ngày càng phát triển.

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 tương đối thuận lợi và ổn định. Hai quý đầu năm 2025 đơn hàng nội địa không nhiều nhưng được bù đắp phần nào bởi các đơn hàng xuất khẩu. Hai quý cuối năm 2025 đơn hàng xuất khẩu tuy có

giảm nhưng đơn hàng nội địa tăng nhiều. Vì vậy, về tổng thể, hoạt động kinh doanh của Công ty được duy trì ổn định trong năm 2025.

Đối với tình hình trong nước, Công ty có thêm nhiều cơ hội việc làm. Tuy nhiên các khó khăn vẫn còn tồn tại như việc thiếu hụt nguồn lao động trong ngành gia công cơ khí đang là thách thức rất lớn đối với Công ty.

Tình hình tên thế giới: Nước ta đang trong quá trình hội nhập toàn cầu, nên mọi biến động của tình hình thế giới đều ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh việc Công ty có được nhiều đơn hàng xuất khẩu, thì việc biến động giá nguyên vật liệu đầu vào chính (thép, tôn cuộn..) là điều không tránh khỏi, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh.

Trong bối cảnh tình hình chung có nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen, Công ty vẫn chủ động phát huy tốt những cơ hội thuận lợi và khắc phục những khó khăn gặp phải trong năm 2025.

Bên cạnh đó, Công ty cũng có những thuận lợi đặc thù riêng của ngành nghề và Công ty có nền tảng cơ sở vật chất, uy tín cũng như thương hiệu của công ty đã được xây dựng qua nhiều năm. Hơn nữa, Công ty có được sự đoàn kết, gắn bó, nỗ lực phấn đấu của toàn thể CB-CNV nên trong năm kết quả sản xuất kinh doanh đạt như sau:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH so với KH (%)
1	Doanh thu	150.000	174.688	116,45%
2	Lợi nhuận TT	5.500	17.139	311,62%
3	Nộp ngân sách	3.000	5.442	181,33%
4	Chi trả cổ tức	2.904	2,904	100,00%

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Trong kỳ, Công ty ghi nhận hiệu quả sử dụng tài sản và quản lý vốn lưu động ở mức tích cực thể hiện qua các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Vòng quay tổng tài sản đạt 1,072 lần cho thấy mỗi đồng tài sản tạo ra 1,072 đồng doanh thu, phản ánh khả năng khai thác tài sản phù hợp với đặc thù ngành và hạn chế tình trạng tài sản nhàn rỗi, duy trì vận hành tài sản ổn định.

Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản đạt 8,559 % cao hơn mặt bằng chung của ngành thể hiện khả năng sinh lời tốt trên tài sản hiện có điều này chứng tỏ Công ty kiểm soát tốt chi phí vận hành.

Hiệu quả sử dụng tài sản cố định khi vòng quay tài sản cố định đạt 15,024 lần phản ánh hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị khi đã hết khấu hao.

Hệ số vòng quay các khoản phải thu đạt 17,468 lần cho thấy Công ty sử dụng chính sách bán hàng hợp lý, khả năng thu hồi công nợ nhanh, cải thiện dòng tiền và không phát sinh nợ phải thu khó đòi trong năm 2025.

Tuy nhiên hệ số vòng quay hàng tồn kho đạt 2,009 lần cho thấy tốc độ luân chuyển hàng tồn kho còn chậm. gây tăng chi phí lưu kho và chiếm dụng vốn lưu động, đồng thời tiềm ẩn rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào.

Như vậy, trong năm 2025, Công ty đang duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tốt, đồng thời kiểm soát tốt công nợ phải thu. Trong thời gian tới, Công ty định hướng tối ưu hóa quản lý hàng tồn kho, duy trì khai thác tốt máy móc thiết bị và đầu tư máy móc thiết bị hiện đại để nâng cao năng lực sản xuất, đảm bảo tăng trưởng bền vững.

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
Phải thu khách hàng	10.704	6.588
Trả trước cho người bán	1.040	1.987
Dự phòng phải thu	-369	-369
Phải thu khác	181	238
Tổng	11.556	8.444

(Nguồn: BCTC kiểm toán của CTCP Công nghiệp Hapulico)

b) Tình hình nợ phải trả - Các khoản nợ phải trả giai đoạn 2024 – 2025:

Trong năm, Công ty duy trì không sử dụng đòn bẩy tài chính, hệ số nợ đạt 0,129 là rất an toàn. Bởi vì Công ty có cơ cấu nguồn vốn an toàn, không phụ thuộc vào vốn vay, khả năng tự chủ tài chính cao nên có nhiều thuận lợi trong đảm bảo uy tín tín dụng và khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay tín dụng khi cần thiết.

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh nợ phải trả quá hạn, không sử dụng vốn vay nên không phát sinh chi phí lãi vay, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng trưởng.

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
Nợ ngắn hạn	24.005	21.498
1. Vay và nợ ngắn hạn	0	0
2. Phải trả người bán	5.088	2.721
3. Người mua trả tiền trước	6.968	5.689
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	1.778	1.583
5. Phải trả người lao động	5.909	6.978
6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	304	370
7. Doanh thu chưa thực hiện		

8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.958	4.157
Nợ dài hạn	0	0
Tổng cộng nợ phải trả	24.005	21.498

(Nguồn: BCTC kiểm toán của CTCP Công nghiệp Hapulico)

✓ Vay và nợ ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 31/12: 0 đồng.

✓ Vay và nợ dài hạn của Công ty tại thời điểm 31/12: 0 đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Về cơ cấu tổ chức, Công ty chú trọng phân cấp, phân quyền hợp lý, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của các cá nhân và đơn vị trong quá trình thực hiện công việc được giao.

Về chính sách quản lý, Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ bao gồm quy chế tài chính, quy chế tiền lương, quy chế khen thưởng, quy trình kiểm tra kiểm soát chất lượng sản phẩm được chuẩn hóa, dễ áp dụng và phù hợp với thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc, tăng cường khả năng giám sát, kiểm soát chất lượng sản phẩm, đo lường đánh giá kết quả thực hiện công việc của nhân viên gắn với trách nhiệm trong từng bộ phận.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Hội đồng quản trị và Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2026	Thực hiện 2025	So sánh với thực hiện 2025
1	Doanh thu	175 tỷ	174,68 tỷ	100,18%
2	Lợi nhuận	10,5 tỷ	17,14 tỷ	61,26%
4	Chi cổ tức	2,904 tỷ	2,904 tỷ	100%

- Chỉ tiêu cổ tức phần đầu đạt từ 5%/Mệnh giá cổ phần trở lên
- Lợi nhuận sau thuế sẽ được trích lập các quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi theo quy định của điều lệ Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế còn lại sẽ được sử dụng để tái đầu tư mở rộng, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

5. *Giải trình của ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán nếu có (Trong trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): Không có*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty:

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty.

- Công ty đảm bảo thực hiện tốt chủ trương chính sách đề ra, bám sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà HĐQT đã đề ra, tuân thủ đúng quy định của pháp luật về Thuế, Kế toán, Luật doanh nghiệp.
- Tăng cường kiện toàn công tác nhân sự của ban điều hành tương ứng với quy mô hoạt động nhằm đảm bảo khả năng quản lý điều hành công việc của công ty một cách toàn diện, tránh được những rủi ro, thiếu sót trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty đã xây dựng và áp dụng thành công hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 -2008 trong việc tiêu chuẩn hóa và cải tiến hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm của công ty.
- Toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty luôn có tinh thần đoàn kết, nhất trí, tuân thủ kỷ luật lao động, cùng cố gắng hăng say lao động là yếu tố quan trọng góp phần cho sự phát triển lớn mạnh của công ty ngày hôm nay.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của ban giám đốc công ty:

- Ban điều hành công ty đã rất cố gắng trong việc điều hành hoạt động SXKD của công ty, kết quả đạt được là kết quả khá tốt trong năm, đời sống của cán bộ công nhân viên được chăm lo. Trong công tác quản trị, Ban điều hành đã tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật, điều lệ và quy chế, nội quy mà Công ty đã đề ra.
- Ban điều hành đã triển khai công việc cho hệ thống phòng ban, xí nghiệp với các bộ phận liên quan để giải quyết phát sinh thuộc thẩm quyền, luôn kịp thời xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT.
- Ban điều hành thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định và thông báo của HĐQT đồng thời báo cáo KQKD và tình hình hoạt động cho HĐQT một cách kịp thời và chi tiết nhất.
- Ban điều hành luôn chủ động trong chỉ đạo giải quyết chính sách cho người lao động, Đối với các đơn vị chủ quản như UBCKNN, Thuế, Sở KHĐT, Sở TN&MT tỉnh Hưng Yên, Ban điều hành luôn chỉ đạo sát sao thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các báo cáo theo yêu cầu, nộp ngân sách đầy đủ đóng góp xây dựng địa phương nơi cơ quan đóng trụ sở chính tạo nên vị thế công ty ngày càng lớn mạnh.

- Ban điều hành cần triển khai phát triển thị trường hơn nữa, đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, tìm kiếm nhiều khách hàng và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới góp phần mở rộng thị trường sản phẩm.

3. Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị:

- Định hướng nâng cao năng lực cạnh tranh, ngày càng khẳng định được vị thế của công ty trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm chủ lực của công ty.
- Định hướng áp dụng công nghệ mới vào sản xuất cột thép chiếu sáng.
- Tập trung phát triển kinh doanh, xây dựng thương hiệu vững mạnh.
- Xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp của công ty theo hướng đáp ứng tiêu chuẩn về quản trị doanh nghiệp tại Việt nam và khu vực.
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của Công ty và hội nhập nền kinh tế

V. Hội đồng quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, bao gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Trần Hậu Phương	Chủ tịch HĐQT
2	Ông La Quý Hưng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Đức Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Lê Thanh Hiền	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT không điều hành

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị:

1.1. Ông Trần Hậu Phương- Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và Tên	:	Trần Hậu Phương
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	28/08/1970
Số CMND	:	042070000286
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh

Địa chỉ liên hệ	:	Căn hộ 2402 tòa nhà 24T2 chung cư Thanh Xuân Complex; Số 6 Lê Văn Thiêm - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội.				
Trình độ văn hóa	:	12/12				
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí				
Quá trình công tác	:					
Từ năm 1994 đến 1997	:	Quản đốc Phân xưởng nhựa - Công ty Chiếu sáng & Thiết bị Đô thị Hà Nội				
Từ năm 1997 đến 2003	:	Phó Giám đốc điều hành - Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng				
Từ năm 2003 đến 2008	:	Giám đốc trung tâm phát triển sản phẩm mới - Công ty TNHH Nhà nước MTV Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị				
Từ năm 2008 đến 2011	:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico				
Từ năm 2011 đến 2014	:	Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Nhà nước MTV Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị				
Từ năm 2014 đến nay	:	Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico				
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị				
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không				
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	695.120 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 11,97% VDL của Công ty. Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 695.120 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 11,97% VDL của Công ty - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty.				
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:					
TT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại Công ty	Số CCCD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Đỗ Minh Thủy	Vợ	Không	001171017054	215.863	3,72%
Các khoản nợ với Công ty		:	Không			

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
---	---	-------

1.2. Ông La Quý Hưng – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc công ty

Họ và Tên	:	La Quý Hưng
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	19/11/1962
Số CCCD	:	019062000017
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Tày
Địa chỉ liên hệ	:	CH2207 tòa 24T3 Thanh Xuân Complex, số 6 Lê Văn Thiêm, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí chế tạo, Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
Từ năm 1988 đến năm 1990	:	Kế toán viên – Nhà máy đại tu tàu sông số 2 Thanh Trì – Hà Nội thuộc Cục đường Sông bộ Giao Thông Vận Tải
Từ năm 1990 đến tháng 3 năm 1992	:	Kế toán tổng hợp – Nhà máy đại tu tàu sông số 2 Thanh Trì – Hà Nội thuộc Cục đường Sông bộ Giao Thông Vận Tải
Từ tháng 4 năm 1992 đến tháng 10 năm 1999:	:	Phụ trách kế toán – Khách sạn Thủy Tiên thuộc sở Du lịch Hà Nội
Từ tháng 11 năm 1999 đến tháng 11 năm 2002	:	Phó phòng kế toán - Công ty Xe điện Hà Nội thuộc Sở giao thông công chính Hà Nội
Từ tháng 12 năm 2002 đến tháng 3 năm 2004	:	Kế toán tổng hợp - Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Chiếu sáng và thiết bị đô thị
Từ tháng 4 năm 2004 đến nay	:	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	300.156 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 5,17% VDL của Công ty. Trong đó:

		- Sở hữu cá nhân: 300.156 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 5,17% VDL của Công ty - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	Không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không

1.3. Ông Phạm Đức Quang - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó TGD

Họ và Tên	:	Phạm Đức Quang
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	10/01/1960
Số CMND	:	001060027611
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	Nhà vườn NV08 khu HAPULICO, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P.Thanh Xuân Trung, Q.Thanh Xuân. TP.Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	:	
Từ tháng 10 năm 1986 đến tháng 10 năm 1989:	:	Cán bộ kỹ thuật - Công ty Môi Trường đô thị Hà Nội
Từ tháng 11 năm 1989 đến tháng 3 năm 1994	:	Phó Quản đốc xưởng cơ khí – Công ty Môi trường Đô thị Hà Nội
Từ tháng 4 năm 1994 đến tháng 3 năm 1997	:	Phó Giám đốc Xí nghiệp Môi trường số 1 – Công ty Môi trường Đô thị Hà Nội
Từ tháng 4 năm 1997 đến tháng 10 năm 2002	:	Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Đô thị số 5
Từ tháng 11 năm 2002 đến tháng 8 năm 2004	:	Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Đô thị số 3
Từ tháng 9 năm 2004 đến tháng 10 năm 2006:	:	Phó Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh và phát triển thị trường – Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị
Từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 2 năm 2014	:	Giám đốc nhà máy chế tạo thiết bị chiếu sáng – Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị Hà Nội
Từ tháng 3 năm 2014	:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT - Công ty

đến nay	Cổ phần Công nghiệp Hapulico					
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc					
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không					
Số lượng cổ phần nắm giữ	: 388.048 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 6.68% VDL của Công ty. Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 388.048 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 6.68% VDL của Công ty - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty					
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:					
TT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại Công ty	Số CCCD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Phạm Minh Trang	Con đẻ	Không	001191031418	30.000	0,52%
Các khoản nợ với Công ty	: Không					
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không					

1.4. Bà Lê Thanh Hiền- Thành viên HĐQT

Họ và Tên	: Lê Thanh Hiền
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 13/04/1960
Số CCCD	: 001160012068
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ liên hệ	: 52 ngõ 191 tổ 6 Minh Khai, Hai Bà Trưng Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân
Quá trình công tác	:
Từ tháng 6 năm 1981 đến năm 1995	: Kế toán viên - Công tác tại Công ty Cổ phần Thủy Tạ
Từ năm 1995 đến năm	: Quyền Trưởng phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thủy

1996		Tạ
Từ năm 1996 đến năm 2008	:	Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Thủy Tạ
Từ năm 2009 đến tháng 3 năm 2015	:	Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần Thủy Tạ
Từ tháng 4 năm 2015 đến nay	:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	240.795 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 4,15% VDL của Công ty. Trong đó - Sở hữu cá nhân: 240.795 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 4,15 % VDL của Công ty; - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty.
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	

TT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại Công ty	Số CCCD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Bùi Duy Minh	Em rể	Không	036062003389	25.400	0,44%
2	Nguyễn Thị Hoàn	Em chồng	Không	024174000129	21.590	0,37%
3	Nguyễn Hoàng Anh	Con trai	Không	001087042778	149.122	2,57%

Các khoản nợ với Công ty	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không

1.5. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thành viên HĐQT

Họ và Tên	:	Phạm Thị Hồng Hạnh
Giới tính	:	Nữ

Ngày tháng năm sinh	: 15/03/1984
Số CMND	: 001184010177
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ liên hệ	: 43 Yên Phụ, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư vận tải đường bộ
Quá trình công tác	:
Từ năm 2007 đến 2008	: Nhân viên điều phối phòng Kỹ thuật Công ty TNHH Zamil Steel Việt Nam
Từ năm 2008 đến 2011	: Kế toán nội bộ - Kế toán trưởng Công ty TNHH SXTMDV Anh Nguyễn
Từ năm 2011 đến nay	: Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất & Dịch vụ Sen Việt
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Giám đốc - Công ty TNHH Sản xuất & Dịch vụ Sen Việt - Chủ doanh nghiệp
Số lượng cổ phần nắm giữ	: 404.528 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 6,97% VĐL của Công ty. Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 404.528 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 6,97% VĐL của Công ty - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VĐL của Công ty.
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	: Không
Các khoản nợ với Công ty	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không

c) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

d) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ % dự họp	Lý do không tham dự
1	Trần Hậu Phương	Chủ tịch HĐQT	07	100%	

2	La Quý Hưng	Phó chủ tịch HĐQT	07	100%	
3	Phạm Đức Quang	Thành viên HĐQT	07	100%	
4	Lê Thanh Hiền	Thành viên HĐQT không điều hành	07	100%	
5	Phạm Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT không điều hành	06	86%	Đi công tác

Nội dung và kết quả của các cuộc họp Hội đồng quản trị:

TT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NQ- HĐQT-Litec	08/01/2025	1. Thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2024: Hình thức chi trả bằng tiền mặt; Tỷ lệ chi trả 5%/Mệnh giá cổ phiếu; Ngày chốt danh sách: 21/01/2025; Nguồn chi trả: Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối đến ngày 31/12/2024.	100%
2	01A/2025/NQ- HĐQT-Litec	10/03/2025	1. Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 vào ngày 25/4/2025. Ngày đăng ký cuối cùng quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025: 31/03/2025.	100%
3	02/2025/NQ- HĐQT-Litec	14/03/2025	1. Thông qua báo cáo sơ kết kết quả hoạt động SXKD quý 1/2025 và kế hoạch SXKD quý 2/2025 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2025. 2. Bổ sung quy chế trả lương năm 2025: Chi tiền hỗ trợ nhà ở cho người lao động (NLĐ). 3. Thông qua việc thoái vốn (bán cổ phần) của Công ty hiện đang đầu tư tại Công ty CP đầu tư BĐS Hapulico để đầu tư máy móc thiết bị	100%



			<p>phục vụ SXKD tại nhà máy Hưng Yên.</p> <p>4. Thông qua tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 vào ngày 25/4/2025 tại hội trường V\place9 Tòa nhà 25T2 Nguyễn Thị Thập, Cầu giấy, Hà Nội.</p> <p>5. Thông qua phân công Ban chỉ đạo và Ban tổ chức ĐHĐCĐ.</p> <p>6. Thông qua việc chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ vào ngày 31/3/2025.</p> <p>7. Thông qua ủy quyền cho BDH lựa chọn Công ty phần mềm quản lý cổ đông OOS hỗ trợ tổ chức ĐHĐCĐ.</p> <p>8. Thông qua các nội dung các báo cáo tại ĐHĐCĐ, Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán. Tờ trình số 01/TT/ĐHĐCĐ-Litec về các vấn đề cần thông qua tại đại hội. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025.</p> <p>9. Thông qua việc ủy quyền cho BDH công ty triển khai các nội dung được phân công để tổ chức Đại hội ĐCĐ thường niên 2025.</p>	
4	03/2025/NQ-HDQT-Litec	18/07/2025	<p>1 Thông qua báo cáo sơ kết kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2025.</p> <p>2. Thông qua kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2025.</p> <p>3. Thống nhất đầu tư máy móc thiết bị tăng cường năng lực SXKD: Tổng vốn đầu tư khoảng 21 tỷ đồng.</p> <p>4. Thông qua giao ban điều hành triển</p>	100%

			<p>khai thực hiện nhiệm vụ SXKD 6 tháng cuối năm 2025 và đầu tư máy móc, thiết bị hoàn thành cơ bản vào cuối năm 2025</p>	
5	04/2025/NQ-HĐQT-Litec	24/10/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua sơ kết kết quả hoạt động SXKD 9 tháng 2025 và kế hoạch SXKD quý 4/2025 của Công ty. 2. Thông qua giao ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD quý 4/2025 và đầu tư máy móc, thiết bị hoàn thành cơ bản vào cuối năm 2025. 	100%
6	05/2025/NQ-HĐQT-Litec	15/12/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua sơ kết kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty. 2. Thông qua phương án trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2025. 3. Thông qua mức tạm ứng chi trả cổ tức năm 2025 là 5%/Mệnh giá cổ phiếu. 4. Thông qua kế hoạch tạm ứng chi cổ tức năm 2026 từ 5%/Mệnh giá cổ phiếu trở lên. 5. Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS, BDH năm 2025 và kế hoạch thù lao cho HĐQT, BKS, BDH năm 2026. 6. Thông qua kế hoạch hạn mức tín dụng ngân hàng năm 2026. 7. Thông qua triệu tập đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 vào 	100%

			quý II/2026.	
7	05A/2025/NQ- HDQT-Litec	15/12/2025	1. Tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt. Tỷ lệ chi trả 5%/ MG. Ngày chốt danh sách ngày 31/12/2025; Ngày chi cổ tức 15/01/2026. Nguồn chi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.	100%

đ) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

e) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không có

2. Ban kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm Soát:

Tại thời điểm hiện tại, Ban Kiểm soát Công ty có 03 thành viên, cụ thể như sau:

Danh sách Ban Kiểm soát Công ty:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Lê Anh Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Lại Thị Bích Hoàn	Thành viên Ban Kiểm sát
3	Ông Nguyễn Chiến Thắng	Thành viên Ban Kiểm sát

2.1. Ông Lê Anh Sơn – Trưởng Ban Kiểm soát:

Họ và Tên	:	Lê Anh Sơn
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	23/01/1991
Số CMND	:	042091016132
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	P1004, Nơ 6A, bán đảo Linh Đàm, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
Từ 3/9/2014 đến 18/5/2017	:	Nhân viên kinh doanh- Công ty cổ phần công nghiệp HAPULICO
Từ 19/5/2017 đến nay	:	Nhân viên kinh doanh, Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Chức vụ đang nắm giữ tại	:	Trưởng Ban Kiểm soát

Công ty	
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	: 155.661 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 2,68 % VĐL của Công ty. Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 155.661 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 2.68 % VĐL của Công ty - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VĐL của Công ty
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	: Không có
Các khoản nợ với Công ty	: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không có

2.2. Bà Lại Thị Bích Hoàn – Thành viên Ban Kiểm soát:

Họ và Tên	: Lại Thị Bích Hoàn
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 17/01/1960
Số CMND	: 034160011901
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ liên hệ	: Nhà 32 ngõ 68, Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:
Từ năm 1984 đến năm 2004	: Cán bộ phòng kế hoạch – Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị Hà Nội
Từ năm 2005 đến năm 2009	: Chuyên viên phòng tổ chức lao động – Công ty Chiếu sáng và thiết bị đô thị Hà Nội
Từ năm 2010 đến tháng 1 năm 2015	: Trưởng phòng Tổ chức – Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị Hà Nội
Từ năm 2016 đến nay:	: Thành viên BKS Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ	:	39.171 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0,67 % VDL của Công ty. Trong đó - Sở hữu cá nhân: 39.171 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0,67 % VDL của Công ty - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	Không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không

2.3. Ông Nguyễn Chiến Thắng – Thành viên Ban Kiểm soát:

Họ và Tên	:	Nguyễn Chiến Thắng
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	21/05/1973
Số CCCD	:	001073017787
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	LK13 No18, TDP 5 Ngô Thị Nhậm, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư điện, điện tử
Quá trình công tác	:	
Từ năm 1998 đến năm 2011	:	Nhân viên – Phó phòng tổ chức hành chính – Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị Hà Nội.
Từ năm 2012 đến năm 2013	:	Nhân viên kinh doanh, Phó Giám đốc xí nghiệp kinh doanh phát triển thị trường – Công ty chiếu sáng và thiết bị đô thị.
Từ năm 2014 đến nay	:	Trưởng ban Quản lý Trung tâm thuốc Hapulico – Công ty Cổ phần Bất động sản Hapulico
Từ năm 19/5/2017 đến nay	:	Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Trưởng ban quản lý trung tâm thuốc Hapulico
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	51.965 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0,89% VDL của Công ty. Trong đó:

		- Sở hữu cá nhân: 51.965 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0,89% VDL của Công ty; - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	Không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Cuộc họp của Ban Kiểm soát:

TT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Lê Anh Sơn	04	100%	100%	
2	Nguyễn Chiến Thắng	04	100%	100%	
3	Lại Thị Bích Hoàn	04	100%	100%	

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành (BDH) và cổ đông:

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ công ty. Ban kiểm soát đã giám sát hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, BDH trong việc tuân thủ các quy định Luật chứng khoán, Điều lệ công ty, triển khai đúng định hướng và mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Công tác giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, BDH được triển khai thông qua các nội dung chính:

+ Giám sát HĐQT, BDH trong việc quản trị điều hành tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty. Ban kiểm soát tham gia và phát biểu ý kiến tại các cuộc họp HĐQT. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc thường xuyên nắm bắt, cập nhật thông tin tình hình hoạt động của Công ty. BKS tham dự đầy đủ và phát biểu ý kiến tại các cuộc họp thường kỳ của HĐQT. Tại đây, Ban kiểm soát đã đưa ra quan điểm độc lập về các nội dung xin ý kiến, các tồn tại, rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản trị điều hành của Công ty, từ đó kiến nghị các giải pháp cần triển khai khắc phục những hạn chế, tồn tại. Đồng thời, đối với các nội dung cần lưu ý, Ban kiểm soát đều đưa ra những khuyến nghị cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo Công ty tăng trưởng, an toàn, bền vững.

+ Giám sát thực trạng tài chính của Công ty, bao gồm kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính.

+ Rà soát văn bản chính sách (VBCS), xem xét các nghị quyết của HĐQT: BKS đã thực hiện rà soát một số VBCS của HĐQT/BĐH ban hành mang tính trọng yếu, có tác động toàn diện tới hoạt động Công ty, xem xét các nghị quyết của HĐQT. Kết quả rà soát cho thấy cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT tuân thủ quy định Điều lệ công ty, nội dung thông qua không trái quy định pháp luật và đạt được sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT.

3. Các khoản thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc Công ty:

a) Lương, thưởng, thù lao các lợi ích khác (nếu có) của HĐQT, BKS, BGĐ:

Đơn vị tính: VNĐ

Họ và tên	Chức vụ	Tính chất thu nhập	Năm 2025
Trần Hậu Phượng	Chủ tịch HĐQT	Tiền lương, thưởng và thù lao	791.312.920
La Quý Hưng	Phó chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	Tiền lương, thưởng và thù lao	693.910.164
Lê Thanh Hiền	Thành viên HĐQT	Tiền lương, thưởng và thù lao	42.456.000
Phạm Đức Quang	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ	Tiền lương, thưởng và thù lao	628.787.466
Phạm Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	Tiền lương, thưởng và thù lao	42.456.000
Lê Anh Sơn	Trưởng ban kiểm soát	Tiền lương, thưởng và thù lao	270.385.898
Nguyễn Chiến Thắng	Thành viên Ban Kiểm soát	Tiền lương, thưởng và thù lao	35.136.000
Lại Thị Bích Hoàn	Thành viên Ban Kiểm soát	Tiền lương, thưởng và thù lao	35.136.000
Lê Minh Đức	Phó Tổng Giám Đốc	Tiền lương, thưởng và thù lao	584.320.363
Tô Thị Thúy Hồng	Kế toán trưởng	Tiền lương, thưởng và thù lao	543.227.651
Cộng			3.667.128.462

b) **Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:** Không có

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:** Không có

d) **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Công tác công bố thông tin được thực hiện kịp thời, đầy đủ và minh bạch theo quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và các nhà đầu tư.

Các cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tổ chức đúng trình tự, thủ tục đảm bảo sự tham gia và quyền biểu quyết của các cổ đông theo quy định.

Nhìn chung, Công ty đã tuân thủ tốt các quy định về quản trị công ty, từng bước tiệm cận các thông lệ quản trị tiên tiến, hướng tới mục tiêu nâng cao tính minh bạch, hiệu quả, và phát triển bền vững.

VI. Báo cáo tài chính:

1. **Ý kiến kiểm toán:** Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trong yếu tố tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. **Báo cáo tài chính đã được tổ chức kiểm toán ký ngày 19 tháng 3 năm 2026:** Toàn văn báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán được đính kèm./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VPCT

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ba Quý Hương



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HAPULICO

MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 38

Đ. Q. H. A. M. S. C. N. P.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập:

Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Điện - Chiếu sáng, được thành lập theo Quyết định số 2600/GP-UB do Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 23/07/1996; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 060410 ngày 01/08/1996.

Tháng 6/2009, Công ty chuyển trụ sở chính từ thành phố Hà Nội về tỉnh Hưng Yên và đã làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 19 ngày 05/08/2025 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

Trong năm tài chính 2025, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, lắp đặt thiết bị chiếu sáng công cộng, thiết kế hệ thống điện chiếu sáng công cộng và hệ thống tín hiệu giao thông.

Tên tiếng anh: HAPULICO INDUSTRY

Trụ sở chính: Thôn Đông Khúc, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Công ty có văn phòng đại diện chính đặt tại Hà Nội:

Tên văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghiệp HAPULICO;

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Trần Hậu Phụng	Chủ tịch
Ông	La Quý Hưng	Phó Chủ tịch
Bà	Lê Thanh Hiền	Thành viên
Ông	Phạm Đức Quang	Thành viên
Bà	Phạm Thị Hồng Hạnh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông	Lê Anh Sơn	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Chiến Thắng	Thành viên
Bà	Lại Thị Bích Hoàn	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	La Quý Hưng	Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Đức Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Lê Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Tô Thị Thúy Hồng	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính là ông La Quý Hưng.

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hưng Yên, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



La Quý Hưng
Tổng Giám đốc

Số: B1125212/MOOREAISHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HAPULICO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 19 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC



Nguyễn Thị Phương

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 4945-2024-005-1

Phan Công Văn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 5298-2026-005-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149.071.873.662	127.960.500.162
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	47.338.661.107	48.252.592.262
1. Tiền	111		47.338.661.107	45.609.509.415
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.643.082.847
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	17.632.909.589	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		17.632.909.589	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.444.696.463	11.556.005.753
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6.588.191.308	10.703.981.414
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.986.940.447	1.039.689.616
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	238.387.308	181.157.323
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(368.822.600)	(368.822.600)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	75.437.483.720	67.756.308.102
1. Hàng tồn kho	141		75.437.483.720	67.756.308.102
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		218.122.783	395.594.045
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	88.439.773	62.534.794
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.572.850	35.697.079
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	93.110.160	297.362.172
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.552.038.928	31.379.945.416
I. Tài sản cố định	220		14.112.230.169	9.142.772.759
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	14.082.326.279	9.142.772.759
- Nguyên giá	222		92.096.735.444	85.006.935.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.014.409.165)	(75.864.163.150)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	29.903.890	-
- Nguyên giá	228		517.873.535	486.321.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(487.969.645)	(486.321.950)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.745.508	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	3.745.508	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	-	19.138.461.125
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	19.138.461.125
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.436.063.251	3.098.711.532
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.436.063.251	3.098.711.532
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		166.623.912.590	159.340.445.578

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.497.898.398	24.004.577.098
I. Nợ ngắn hạn	310		21.497.898.398	24.004.577.098
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	2.721.147.325	5.087.956.192
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	5.688.743.151	6.967.475.176
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	1.582.664.045	1.778.421.933
4. Phải trả người lao động	314		6.978.124.745	5.908.800.037
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	370.411.278	303.847.446
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.156.807.854	3.958.076.314
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		145.126.014.192	135.335.868.480
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	145.126.014.192	135.335.868.480
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		58.074.170.000	58.074.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.074.170.000	58.074.170.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.791.576.000	5.791.576.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		37.392.469.434	37.392.469.434
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.543.552.306	10.287.330.766
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.324.246.452	23.790.322.280
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18.374.170.700	15.415.512.011
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.950.075.752	8.374.810.269
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		166.623.912.590	159.340.445.578

Hưng Yên, ngày 19 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Oanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Tô Thị Thúy Hồng

TỔNG GIÁM ĐỐC



La Quý Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	174.687.638.883	146.506.219.151
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		174.687.638.883	146.506.219.151
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	143.825.563.868	123.836.299.631
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		30.862.075.015	22.669.919.520
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.406.742.541	1.394.275.466
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	26.123.784	24.086.567
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.522.206.486	3.676.340.562
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.681.891.508	10.184.258.564
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		17.038.595.778	10.179.509.293
11. Thu nhập khác	31	VI.7	105.027.980	7.635
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.355.488	3.000.800
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		100.672.492	(2.993.165)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.139.268.270	10.176.516.128
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	3.189.192.518	1.801.705.859
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		13.950.075.752	8.374.810.269
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.041,80	1.225,78
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2.041,80	1.225,78

Hưng Yên, ngày 19 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Oanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Tô Thị Thúy Hồng

TỔNG GIÁM ĐỐC



La Quý Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		191.405.872.061	160.831.177.013
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(157.992.104.362)	(112.540.050.207)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(26.094.856.364)	(20.602.986.854)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.26	(2.923.372.720)	(1.354.389.893)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13.486.249	1.822.950
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(5.754.416.257)	(5.299.125.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.345.391.393)	21.036.447.034
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(555.445.944)	(1.013.062.500)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22.632.909.589)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.112.319.030	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		20.000.000.000	-
5. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		58.361.675	325.489.145
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.982.325.172	(687.573.355)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.903.708.500)	(2.903.708.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.903.708.500)	(2.903.708.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(2.266.774.721)	17.445.165.179
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		48.252.592.262	29.745.509.849
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.352.843.566	1.061.917.234
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	47.338.661.107	48.252.592.262

Hưng Yên, ngày 19 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG





Nguyễn Thị Oanh

Tô Thị Thúy Hồng

La Quý Hưng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Điện - Chiếu sáng, được thành lập theo Quyết định số 2600/GP-UB do Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 23/07/1996; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 060410 ngày 01/08/1996.

Tháng 6/2009, Công ty chuyển trụ sở chính từ thành phố Hà Nội về tỉnh Hưng Yên và đã làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 19 ngày 05/08/2025 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần

Tên tiếng anh: HAPULICO INDUSTRY**Tên viết tắt:** LITEC**Trụ sở chính:** Thôn Đông Khúc, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam**Công ty có văn phòng chính đặt tại Hà Nội**

Tên văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghiệp HAPULICO

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội

2. Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm tài chính 2025, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, lắp đặt thiết bị chiếu sáng công cộng, thiết kế hệ thống điện chiếu sáng công cộng và hệ thống tín hiệu giao thông.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh đồ điện và chiếu sáng nhân tạo;
- Lắp đặt chiếu sáng nhân tạo, đường dây và trạm biến thế dưới 35KW;
- Sản xuất sản phẩm gỗ nhân tạo;
- Buôn bán hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (mua bán sắt thép kim loại màu, mua bán chất dẻo tổng hợp, mua bán thiết bị máy công nghiệp và máy xây dựng, mua bán đồ điện gia dụng);
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống tín hiệu giao thông;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất và buôn bán thiết bị đô thị, thiết bị chiếu sáng nội thất, ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2025: 121 nhân viên.
(Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 124 nhân viên)****6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 200/2014/TT-BTC cũng như thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Nguyên tắc xác định tỷ giá quy đổi các giao dịch phát sinh

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải thu: theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

300
C
CÔ
K
À D
M
9A 7

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- **Nguyên vật liệu, hàng hóa:** bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- **Thành phẩm:** Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và những chi phí có liên quan trực tiếp khác đến việc sản xuất sản phẩm.
- **Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:** bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình xây lắp. Giá trị sản phẩm dở cuối kỳ đang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**7.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

Bằng sáng chế và thương hiệu

Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

7.3. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>5 - 20 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>5 - 12 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, thuyền dẫn</i>	<i>6 - 10 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>5 - 6 năm</i>
<i>Phần mềm kế toán</i>	<i>7 năm</i>

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

 - Q
 ÁN
 TN
 CÁI
 TIN
 AIS
 - T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập báo cáo tài chính.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Vốn khác của chủ sở hữu: được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm (5) điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

16. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

17. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Công cụ tài chính (tiếp theo)**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

18. Bên liên quan

Theo chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

(i) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với doanh nghiệp báo cáo (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);

(ii) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”);

(iii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;

(iv) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

(v) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trường hợp (iii) hoặc trường hợp (iv) của Mục 1.3 bài viết này nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của doanh nghiệp báo cáo và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với doanh nghiệp báo cáo.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2025	01/01/2025
Tiền	47.338.661.107	45.609.509.415
Tiền mặt	214.820.448	547.623.943
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.123.840.659	45.061.885.472
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (VND)	8.622.899.496	10.786.186.247
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (VND)	23.670.816	15.866.712
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (USD)	38.477.270.347	34.259.832.513
Các khoản tương đương tiền	-	2.643.082.847
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	-	2.643.082.847
Cộng	47.338.661.107	48.252.592.262

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	17.632.909.589	17.632.909.589	-	-
Cộng	17.632.909.589	17.632.909.589	-	-

(*) Tiền gửi có kỳ hạn 6-12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội, lãi suất 4,20%/năm

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý (**)
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hapulico (*)	-	-	19.138.461.125	-
Cộng	-	-	19.138.461.125	-

(*) Đây là khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản HAPULICO trong đó bao gồm: 8.800.000.000 đồng giá trị vốn góp (tương ứng 2,08% vốn điều lệ) và 10.338.461.125 đồng là số tiền liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư trong việc hỗ trợ đi dời nhà xưởng của Công ty TNHH Một thành viên Chiêu sáng và Thiết bị đồ thị căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh số 999/2007/HĐNTHTKD ngày 10/8/2007 và “Liên kết thực hiện Dự án đầu tư tại số 1 đường Nguyễn Huy Tường, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội”. Theo nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2025/NQ-HĐQT-Litec ngày 14/3/2025, công ty chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp cho ông Phạm Đình Hưng theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2025/HĐCN ngày 03/04/2025.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	6.588.191.308	(302.910.600)	10.703.981.414	(302.910.600)
Tổng Công ty Cổ phần công trình Viettel	5.861.803.456	-	8.540.371.656	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	-	609.066.300	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển tài năng bóng đá Việt Nam	-	-	581.400.000	-
Công ty Cổ phần CONFITECH Đông Á	339.988.000	-	-	-
Các khách hàng khác	386.399.852	(302.910.600)	973.143.458	(302.910.600)
Cộng	6.588.191.308	(302.910.600)	10.703.981.414	(302.910.600)

4. Trả trước cho người bán	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.986.940.447	(65.912.000)	1.039.689.616	(65.912.000)
HUBEI HSM intelligent Equipmet Co.,LDT	1.591.760.400	-	-	-
Công ty TNHH Sơn Miền Nam	-	-	64.416.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Hà Anh	-	-	569.970.015	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Kỹ thuật Việt Hưng	-	-	220.104.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và kết cấu thép Sóc Sơn	65.912.000	(65.912.000)	65.912.000	(65.912.000)
Các nhà cung cấp khác	329.268.047	-	119.287.601	-
Cộng	1.986.940.447	(65.912.000)	1.039.689.616	(65.912.000)

5. Phải thu khác	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	238.387.308	-	181.157.323	-
Tạm ứng	75.000.000	-	50.000.000	-
Thuế TNCN và bảo hiểm phải thu người lao động	16.210.025	-	1.499.400	-
Phải thu khác	147.177.283	-	129.657.923	-
Cộng	238.387.308	-	181.157.323	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
6. Nợ xấu				
Nợ ngắn hạn	368.822.600	-	368.822.600	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	302.910.600	-	302.910.600	-
+ Công ty Cổ phần Dầu tư Thịnh Phát	27.445.000	-	27.445.000	-
				Trên 3 năm
+ Công ty Cổ phần Hanel	158.262.600	-	158.262.600	-
				Trên 3 năm
+ Ban quản lý dự án giao thông Vĩnh Phúc	66.708.000	-	66.708.000	-
				Trên 3 năm
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	47.071.000	-	47.071.000	-
				Trên 3 năm
+ Công ty Môi trường Đô thị Hà Đông	1.947.000	-	1.947.000	-
				Trên 3 năm
+ Ban quản lý dự án công trình dân dụng thuộc phòng QLĐT thị xã Trà Vinh tỉnh Trà Vinh	1.477.000	-	1.477.000	-
				Trên 3 năm
Trả trước cho người bán	65.912.000	-	65.912.000	-
+ Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu thép Sóc Sơn	65.912.000	-	65.912.000	-
				Trên 3 năm
Tổng cộng	368.822.600	-	368.822.600	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

Số đầu năm	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Tổng cộng
Trích lập dự phòng bổ sung	(368.822.600)	-	(368.822.600)
Số cuối năm	(368.822.600)	-	(368.822.600)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Hàng tồn kho	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	59.172.153.830	-	50.490.869.468	-
Công cụ, dụng cụ	495.939.104	-	382.545.703	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	412.696.252	-
Thành phẩm	15.769.390.786	-	16.470.196.679	-
Cộng	75.437.483.720	-	67.756.308.102	-
8. Chi phí trả trước			31/12/2025	01/01/2025
a. Chi phí trả trước ngắn hạn			88.439.773	62.534.794
Công cụ, dụng cụ xuất dùng			8.007.577	-
Chi phí bảo hiểm ô tô			11.704.086	11.903.297
Các khoản khác (nếu chi tiết nếu có giá trị lớn)			68.728.110	50.631.497
b. Chi phí trả trước dài hạn			3.436.063.251	3.098.711.532
Công cụ, dụng cụ xuất dùng			137.995.024	129.765.100
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng (*)			1.628.865.252	1.762.175.148
Chi phí sửa chữa tài sản cố định			1.425.846.715	882.999.757
Chi phí trả trước công trình nguy trang cột quảng cáo			110.863.472	176.230.652
Chi phí trả trước khác			132.492.788	147.540.875
Cộng			3.524.503.024	3.161.246.326

(*) Đây là khoản đền bù đất ruộng giải phóng mặt bằng để thực hiện xây dựng nhà máy tại Hưng Yên. Công ty đang thực hiện phân bổ trong 26 năm, thời gian phân bổ còn lại tại ngày 31/12/2025 là 12 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	35.773.083.841	44.160.362.977	4.341.649.728	731.839.363	85.006.935.909
Mua trong năm	-	6.868.964.255	688.258.436	43.694.444	7.600.917.135
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(511.117.600)	-	(511.117.600)
Số dư cuối năm	35.773.083.841	51.029.327.232	4.518.790.564	775.533.807	92.096.735.444
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	30.661.350.215	40.378.192.665	4.341.649.728	482.970.542	75.864.163.150
Khấu hao trong năm	1.134.624.360	1.403.587.697	47.795.725	75.355.833	2.661.363.615
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(511.117.600)	-	(511.117.600)
Số dư cuối năm	31.795.974.575	41.781.780.362	3.878.327.853	558.326.375	78.014.409.165
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	5.111.733.626	3.782.170.312	-	248.868.821	9.142.772.759
Số dư cuối năm	3.977.109.266	9.247.546.870	640.462.711	217.207.432	14.082.326.279

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 54.284.840.974 VND

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 604.156.300 VND

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	312.890.950	173.431.000	486.321.950
<i>Mua trong năm</i>	<i>31.551.585</i>	-	<i>31.551.585</i>
Số dư cuối năm	344.442.535	173.431.000	517.873.535
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	312.890.950	173.431.000	486.321.950
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>1.647.695</i>	-	<i>1.647.695</i>
Số dư cuối năm	314.538.645	173.431.000	487.969.645
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối năm	29.903.890	-	29.903.890

* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 486.321.950 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2025	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	31/12/2025
- Mua sắm TSCĐ	-	3.212.957.763	3.209.212.255	3.745.508
- Sửa chữa lớn khác	-	830.237.980	830.237.980	-
Cộng	-	4.043.195.743	4.039.450.235	3.745.508

12. Phải trả người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	2.721.147.325	2.721.147.325	5.087.956.192	5.087.956.192
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sơn Đức	100.996.740	100.996.740	119.697.600	119.697.600
Công ty Cổ phần thép Sao Việt Hưng Yên	373.058.509	373.058.509	657.496.313	657.496.313
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành	-	-	503.131.353	503.131.353
Doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp bu lông ốc vít Từ Sơn	226.608.840	226.608.840	488.099.040	488.099.040
Công ty Cổ phần đúc kim loại và cơ khí An Phát	52.800.000	52.800.000	733.890.000	733.890.000
Các nhà cung cấp khác	1.967.683.236	1.967.683.236	2.585.641.886	2.585.641.886
Cộng	2.721.147.325	2.721.147.325	5.087.956.192	5.087.956.192

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Người mua trả tiền trước	31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn	5.688.743.151	6.967.475.176
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sản xuất và Thương mại An Việt	1.201.400.900	1.034.158.770
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại & Vận tải NCP	749.442.309	382.270.824
Công ty Cổ phần Thăng Lợi	606.772.340	201.287.032
Công ty Cổ phần nước mặt Sông Hồng	-	980.142.254
Công ty TNHH HC MON	41.190.000	853.600.000
Công ty Cổ phần Chiếu sáng đô thị Hoàng Gia	188.883.200	188.883.200
Các khách hàng khác	2.901.054.402	3.327.133.096
Cộng	5.688.743.151	6.967.475.176

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	588.115.651	1.088.642.926	1.550.220.612	126.537.965
Thuế xuất, nhập khẩu	-	9.453.013	9.453.013	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	958.625.766	3.189.192.518	2.923.372.720	1.224.445.564
Thuế thu nhập cá nhân		594.914.771	594.914.771	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	327.601.950	327.601.950	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	231.680.516	33.049.575	33.049.575	231.680.516
Cộng	1.778.421.933	5.245.854.753	5.441.612.641	1.582.664.045

b. Phải thu

Thuế thu nhập cá nhân	297.362.172	204.252.012	-	93.110.160
Cộng	297.362.172	204.252.012	-	93.110.160

Trình bày cách xác định các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp.**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

	Mức thuế suất
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là	0%
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ bán hàng trong nước là	8-10%

Công ty được giảm thuế suất thuế GTGT theo quy định phát luật thuế hiện hành năm 2025.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Phải trả khác	31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	36.418.820	36.311.681
Các khoản phải trả, phải nộp khác	333.992.458	267.535.765
+ Thuế TNCN người lao động nộp thừa	138.750.006	216.250.442
+ Phải trả khác	195.242.452	51.285.323
Cộng	370.411.278	303.847.446

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HAPULICO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu

1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	58.074.170.000	5.791.576.000	36.463.394.434	10.352.349.900	20.047.332.243	130.728.822.577
Lợi nhuận	-	-	-	-	8.374.810.269	8.374.810.269
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	864.055.866	(4.631.820.232)	(3.767.764.366)
Chuyển nguồn	-	-	929.075.000	(929.075.000)	-	-
Số dư cuối năm trước	58.074.170.000	5.791.576.000	37.392.469.434	10.287.330.766	23.790.322.280	135.335.868.480
Số dư đầu năm nay	58.074.170.000	5.791.576.000	37.392.469.434	10.287.330.766	23.790.322.280	135.335.868.480
Lợi nhuận	-	-	-	-	13.950.075.752	13.950.075.752
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	1.256.221.540	(5.416.151.580)	(4.159.930.040)
Số dư cuối năm nay	58.074.170.000	5.791.576.000	37.392.469.434	11.543.552.306	32.324.246.452	145.126.014.192

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/2025/NQ - ĐHĐCĐ - Litec ngày 25/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp HAPULICO. Lợi nhuận được phân phối như sau:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
- Quỹ đầu tư phát triển	15%	8.374.810.269
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	15%	1.256.221.540
- Chi trả cổ tức		1.256.221.540
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		2.903.708.500
		2.958.658.689



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH MTV Chiếu sáng và Thiết bị đô thị	4,44%	2.577.020.000	2.577.020.000
Các cổ đông khác	95,56%	55.497.150.000	55.497.150.000
Cộng	100,00%	58.074.170.000	58.074.170.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	VND	Tỷ lệ %	VND	VND
Góp vốn bằng tiền	58.074.170.000	100%	58.074.170.000	-
Cộng	58.074.170.000	100%	58.074.170.000	-

Đến 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100382419 đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 05/08/2025 là 58.074.170.000 VND.

3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2025	Năm 2024
Vốn góp của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	58.074.170.000	58.074.170.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>	58.074.170.000	58.074.170.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.903.708.500	2.903.708.500

4. Cổ phiếu	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.807.417	5.807.417
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.807.417	5.807.417
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.807.417	5.807.417
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.807.417	5.807.417
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.807.417	5.807.417
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

5. Vốn khác của chủ sở hữu	31/12/2025	01/01/2025
Vốn khác	37.392.469.434	37.392.469.434

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

6. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2025	01/01/2025
Quỹ đầu tư phát triển (*)	11.543.552.306	10.287.330.766
Cộng	11.543.552.306	10.287.330.766

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2025	01/01/2025
Đồng đô la Mỹ (USD)	1.475.808,16	1.356.825,05
Cộng	1.475.808,16	1.356.825,05

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	171.112.145.487	145.870.247.333
Doanh thu cho thuê	469.911.818	459.381.818
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.130.582.258	-
Doanh thu khác	1.974.999.320	176.590.000
Cộng	174.687.638.883	146.506.219.151
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	142.398.555.846	123.665.708.678
Giá vốn cho thuê	164.849.895	170.590.953
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.262.158.127	-
Cộng	143.825.563.868	123.836.299.631
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	171.252.705	61.489.145
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	264.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	21.107.395	6.869.087
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.352.843.566	1.061.917.234
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	861.538.875	-
Cộng	2.406.742.541	1.394.275.466

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2025	Năm 2024
4. Chi phí tài chính		
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	26.123.784	24.086.567
Cộng	26.123.784	24.086.567
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí cho nhân viên	1.953.631.870	1.661.968.416
Chi phí vật liệu quản lý	169.775.475	87.341.626
Chi phí bảo hành sản phẩm	18.813.556	159.242.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.032.328.448	1.225.717.781
Các chi phí khác	347.657.137	542.070.357
Cộng	4.522.206.486	3.676.340.562
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	7.107.096.818	5.673.129.239
Chi phí vật liệu quản lý	55.880.192	53.338.589
Chi phí đồ dùng văn phòng	69.383.629	83.918.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	432.407.594	376.484.490
Thuế, phí và lệ phí	464.332.242	908.300.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.917.977.854	2.466.347.851
Các chi phí khác	634.813.179	622.739.464
Cộng	11.681.891.508	10.184.258.564
7. Thu nhập khác		
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	77.272.727	-
Thu nhập khác	27.755.253	7.635
Cộng	105.027.980	7.635
8. Chi phí khác		
Tiền phạt chậm nộp thuế, phạt hành chính	4.353.850	3.000.000
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	1.638	800
Cộng	4.355.488	3.000.800

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	111.726.388.426	95.599.692.259
Chi phí nhân công	30.111.843.430	24.126.728.407
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.663.011.310	2.828.132.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.778.989.958	8.089.088.775
Chi phí khác bằng tiền	1.582.916.683	2.301.117.594
Cộng	157.863.149.807	132.944.759.206

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.139.268.270	10.176.516.128
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(1.193.305.678)	(1.167.986.834)
2.1. Các khoản điều chỉnh tăng	159.537.888	157.930.400
<i>Thù lao HDQT, BKS của đối tượng không trực tiếp quản lý điều hành</i>	155.184.000	154.929.600
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	4.353.888	3.000.800
2.2. Các khoản điều chỉnh giảm	(1.352.843.566)	(1.325.917.234)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	(264.000.000)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ</i>	(1.352.843.566)	(1.061.917.234)
3. Thu nhập chịu thuế	15.945.962.592	9.008.529.294
4. Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
5. Thu nhập tính thuế	15.945.962.592	9.008.529.294
6. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
7. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.189.192.518	1.801.705.859
8. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.189.192.518	1.801.705.859
9. Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.189.192.518	1.801.705.859

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.950.075.752	8.374.810.269
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(2.092.511.363)	(1.256.221.540)
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.092.511.363)	(1.256.221.540)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.092.511.363)	(1.256.221.540)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.857.564.389	7.118.588.729
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong năm	5.807.417	5.807.417
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.041,80	1.225,78

VII. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1.1. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
VND	+100	473.386.611
VND	-100	(473.386.611)
Năm trước		
VND	+100	482.525.923
VND	-100	(482.525.923)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1.1. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

1.2. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

3005
CH
CÓN
KII
À DỊK
MC
BÀ T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	2.721.147.325	-	-	2.721.147.325
Phải trả khác	162.777.032	-	-	162.777.032
Cộng	2.883.924.357	-	-	2.883.924.357
Ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Phải trả người bán	5.087.956.192	-	-	5.087.956.192
Phải trả khác	18.819.903	-	-	18.819.903
Cộng	5.106.776.095	-	-	5.106.776.095

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024
Tài sản tài chính	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tiền và các khoản tương đương tiền	47.338.661.107	-	48.252.592.262	-
- Phải thu khách hàng	6.588.191.308	(302.910.600)	10.703.981.414	(302.910.600)
- Phải thu khác	147.177.283	-	129.657.923	-
TỔNG CỘNG	54.074.029.698	(302.910.600)	59.086.231.599	(302.910.600)
Nợ phải trả tài chính				
- Phải trả người bán	2.721.147.325	-	5.087.956.192	-
- Phải trả khác	162.777.032	-	18.819.903	-
TỔNG CỘNG	2.883.924.357	-	5.106.776.095	-
			2.883.924.357	58.783.320.999
			5.087.956.192	5.087.956.192
			182.777.032	18.819.903
			2.883.924.357	5.106.776.095

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

2a.1. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

2a.2. Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

2a.3. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tính chất thu nhập	Năm 2025
Trần Hậu Phương	Chủ tịch HĐQT	Tiền lương và thù lao	791.312.920 ✓
La Quý Hưng	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Tiền lương và thù lao	693.910.164 ✓
Lê Thanh Hiền	Thành viên HĐQT	Tiền lương và thù lao	42.456.000 ✓
Phạm Đức Quang	Thành viên HĐQT, Phó TGD	Tiền lương và thù lao	628.787.466 ✓
Phạm Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	Tiền lương và thù lao	42.456.000 ✓
Lê Anh Sơn	Trưởng ban kiểm soát	Tiền lương và thù lao	270.385.898 ✓
Nguyễn Chiến Thắng	Thành viên BKS	Tiền lương và thù lao	35.136.000 ✓
Lại Thị Bích Hoàn	Thành viên BKS	Tiền lương và thù lao	35.136.000 ✓
Lê Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương và thù lao	584.320.363 ✓
Cộng			3.123.900.811 ✓

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)**2b. Công nợ các bên liên quan khác**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico không phát sinh giao dịch với các bên liên quan.

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, lắp đặt thiết bị chiếu sáng công cộng, thiết kế hệ thống điện chiếu sáng công cộng và hệ thống tín hiệu giao thông. Công ty không có chi nhánh nào nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, đồng thời tổng doanh thu bộ phận của hoạt động kinh doanh phụ là: hoạt động xây lắp và hoạt động khác chiếm nhỏ hơn (<) 10% tổng doanh thu của tất cả các bộ phận nên không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2025 trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm 2024 trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Oanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Tô Thị Thúy Hồng

Hưng Yên, ngày 19 tháng 03 năm 2026



La Quý Hưng